

DỰ THAO PHƯƠNG AN TINH TOAN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN : CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯƠNG SƠN - ĐẠI LÂM
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND)

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân/Căn cước 5 điện thoại	Địa chỉ thửa đất	Loại đất	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích cả thửa (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)		Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Bồi thường về đất		Số lượng	Bồi thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng tiền Bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân (đồng)	
								Trong chỉ giới (m ²)	Ngoài chỉ giới (m ²)			Đơn giá bồi thường (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá hỗ trợ (Đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)					
1	(2)		(5)	(7)	(3)	(4)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(14)	(15)	22.0	23	24	32	34	37	38	49.00	50	
1	Nguyễn Thị Định	024157001669	03555754	Kén	LUC	214	307	166.10	166.10	-	166.1	-	70,000	11,627,000	166.10	9,000	1,494,900	15,000	2,491,500	350,000	58,135,000	73,748,400	73,748,400
2	Nguyễn Văn Chiêu	024061005311	03287195	Kén	LUC	214	418	171.2	171.2	-	171.2	-	70,000	11,984,000	171.20	9,000	1,540,800	15,000	2,568,000	350,000	59,920,000	76,012,800	246,508,800
		024061005311	03287195	Kén	LUC	214	562	264.0	264.0	-	264.0	-	70,000	18,480,000	264.00	9,000	2,376,000	15,000	3,960,000	350,000	92,400,000	117,216,000	
		024061005311	03287195	Kén	LUC	214	567	120.0	120.0	-	120.0	-	70,000	8,400,000	120.00	9,000	1,080,000	15,000	1,800,000	350,000	42,000,000	53,280,000	
3	Hoàng Thanh Nguyễn Thị Cảnh	024152001429	03944023	Kén	LUC	214	360	119.3	119.3	-	119.3	-	70,000	8,351,000	119.30	9,000	1,073,700	15,000	1,789,500	350,000	41,755,000	52,969,200	121,789,200
		024152001429	03944023	Kén	LUC	214	421	155.0	155.0	-	155.0	-	70,000	10,850,000	155.00	9,000	1,395,000	15,000	2,325,000	350,000	54,250,000	68,820,000	
4	Hoàng Văn Hải	024152001429	03944023	Kén	LUC	214	301	141.1	141.1	-	141.1	-	70,000	9,877,000	141.10	9,000	1,269,900	15,000	2,116,500	350,000	49,385,000	62,648,400	62,648,400
5	Giáp Thị Duyên Nguyễn Văn Cơ	024167013459	03273844	Kén	LUC	214	888	94.40	94.40	-	94.4	-	70,000	6,608,000	94.40	9,000	849,600	15,000	1,416,000	350,000	33,040,000	41,913,600	41,913,600
6	Nguyễn Xuân Nghin Trịnh Thị Vi	024159001993	03770395	Kén	LUC	213	244	126.00	126.00	-	126.0	-	70,000	8,820,000	126.00	9,000	1,134,000	15,000	1,890,000	350,000	44,100,000	55,944,000	55,944,000
7	Đoàn Văn Trước	024063002265	03688165	Kén	LUC	213	244	128.20	128.20	-	128.2	-	70,000	8,974,000	128.20	9,000	1,153,800	15,000	1,923,000	350,000	44,870,000	56,920,800	56,920,800
8	Nguyễn Thị Ngải	024165002312	03770395	Kén	LUC	214	552	459.80	459.80	-	459.8	-	70,000	32,186,000	459.80	9,000	4,138,200	15,000	6,897,000	350,000	160,930,000	204,151,200	204,151,200
9	Nguyễn Mạnh Hùng Trần Thị Huệ (Nguyễn Tiên Cúc)	024083004122	0977494	Kén	LUC	214	459	208.7	208.7	-	208.7	-	70,000	14,609,000	208.70	9,000	1,878,300	15,000	3,130,500	350,000	73,045,000	92,662,800	186,613,200
		024083004122	0977494	Kén	LUC	214	303	211.6	211.6	-	211.6	-	70,000	14,812,000	211.60	9,000	1,904,400	15,000	3,174,000	350,000	74,060,000	93,950,400	
10	Đoàn Văn Căn	024055001271	03845004	Kén	LUC	214	553	478.2	478.2	-	478.2	-	70,000	33,474,000	478.20	9,000	4,303,800	15,000	7,173,000	350,000	167,370,000	212,320,800	410,788,800
		024055001271	03845004	Kén	LUC	214	423	404.1	404.1	-	404.1	-	70,000	28,287,000	404.10	9,000	3,636,900	15,000	6,061,500	350,000	141,435,000	179,420,400	
		024055001271	03845004	Kén	LUC	214	152	42.9	23.1	19.8	42.9	-	70,000	3,003,000	42.90	9,000	386,100	15,000	643,500	350,000	15,015,000	19,047,600	
11	Đoàn Văn Nhị Nguyễn Thị Môi	024070017669	03474822	Kén	LUC	214	869	140.00	140.00	-	140.0	-	70,000	9,800,000	140.00	9,000	1,260,000	15,000	2,100,000	350,000	49,000,000	62,160,000	62,160,000
12	Nguyễn Thị Đoán	024166002422	03982064	Kén	LUC	214	97	96.60	96.60	-	96.6	-	70,000	6,762,000	96.60	9,000	869,400	15,000	1,449,000	350,000	33,810,000	42,890,400	42,890,400
13	Nguyễn Văn Vinh Nguyễn Thị Bình	024161010091	03620355	Kén	LUC	214	362	205.30	205.30	-	205.3	-	70,000	14,371,000	205.30	9,000	1,847,700	15,000	3,079,500	350,000	71,855,000	91,153,200	91,153,200
14	Trương Thị Bé	024160008481		Kén	LUC	214	301	203.0	203.0	-	203.0	-	70,000	14,210,000	203.00	9,000	1,827,000	15,000	3,045,000	350,000	71,050,000	90,132,000	206,948,400
		024160008481		Kén	LUC	214	418	135.0	135.0	-	135.0	-	70,000	9,450,000	135.00	9,000	1,215,000	15,000	2,025,000	350,000	47,250,000	59,940,000	
		024160008481		Kén	LUC	214	508	128.1	128.1	-	128.1	-	70,000	8,967,000	128.10	9,000	1,152,900	15,000	1,921,500	350,000	44,835,000	56,876,400	
15		024076014174	03666751	Kén	LUC	214	508	115.0	115.0	-	115.0	-	70,000	8,050,000	115.00	9,000	1,035,000	15,000	1,725,000	350,000	40,250,000	51,060,000	51,060,000

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân/Căn cước	Số điện thoại	Địa chỉ thửa đất	Loại đất	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)		Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Bồi thường về đất		Số lượng	Bồi thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng (thành tiền) (đồng)	Tổng tiền Bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân (đồng)
									Trong chi giới (m2)	Ngoài chi giới (m2)			Đơn giá bồi thường (đ/m2)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (ĐỒNG)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m2)	Thành tiền (đồng)		
1	(2)			(5)	(7)	(3)	(4)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(14)	(15)	22.0	23	24	32	34	37	38	49.00	50
15	Đo Văn Tam	024160008481		Kén	LUC	214	301	122.0	122.0		122.0	-	70,000	8,540,000	122.00	9,000	1,098,000	15,000	1,830,000	350,000	42,700,000	54,168,000	105,228,000
16	Đương Thị Hưng	024171002783	0336809	Kén	LUC	214	559	72.5	72.5	-	72.5	-	70,000	5,075,000	72.50	9,000	652,500	15,000	1,087,500	350,000	25,375,000	32,190,000	180,796,800
		024171002783	0336809	Kén	LUC	214	561	334.7	334.7		334.7	-	70,000	23,429,000	334.70	9,000	3,012,300	15,000	5,020,500	350,000	117,145,000	148,606,800	
17	Trịnh Thị Vui	024166003436	0394647	Kén	LUC	214	613	48.0	48.0	-	48.0	-	70,000	3,360,000	48.00	9,000	432,000	15,000	720,000	350,000	16,800,000	21,312,000	87,290,400
		024166003436	0394647	Kén	LUC	214	515	64.0	64.0		64.0	-	70,000	4,480,000	64.00	9,000	576,000	15,000	960,000	350,000	22,400,000	28,416,000	
		024166003436	0394647	Kén	LUC	213	232	84.6	84.6		84.6	-	70,000	5,922,000	84.60	9,000	761,400	15,000	1,269,000	350,000	29,610,000	37,562,400	
18	Nguyễn Thị Ngự	024160002607	0394647	Kén	LUC	214	613	185.0	185.0	-	185.0	-	70,000	12,950,000	185.00	9,000	1,665,000	15,000	2,775,000	350,000	64,750,000	82,140,000	82,140,000
19	Hà Thị Hiền	037156003682	0338032	Kén	LUC	214	562	144.0	144.0	-	144.0	-	70,000	10,080,000	144.00	9,000	1,296,000	15,000	2,160,000	350,000	50,400,000	63,936,000	123,432,000
		024166003436	0394647	Kén	LUC	214	460	134.0	134.0		134.0	-	70,000	9,380,000	134.00	9,000	1,206,000	15,000	2,010,000	350,000	46,900,000	59,496,000	
20	Giáp Thị Hương Đoàn Văn Lực	024058001959		Kén	LUC	214	192	183.0	183.0	-	183.0	-	70,000	12,810,000	183.00	9,000	1,647,000	15,000	2,745,000	350,000	64,050,000	81,252,000	126,540,000
		024058001959		Kén	LUC	214	196	102.0	102.0		102.0	-	70,000	7,140,000	102.00	9,000	918,000	15,000	1,530,000	350,000	35,700,000	45,288,000	
21	Đỗ Văn Bích Đoàn Thị Lưu	024075018131	0971534	Kén	LUC	214	518	107.8	107.8	-	-107.8	-	70,000	7,546,000	107.80	9,000	970,200	15,000	1,617,000	350,000	37,730,000	47,863,200	276,478,800
		024075018131	0971534	Kén	LUC	214	365	147.0	147.0		147.0	-	70,000	10,290,000	147.00	9,000	1,323,000	15,000	2,205,000	350,000	51,450,000	65,268,000	
		024075018131	0971534	Kén	LUC	214	556	142.8	142.8		142.8	-	70,000	9,996,000	142.80	9,000	1,285,200	15,000	2,142,000	350,000	49,980,000	63,403,200	
		024075018131	0971534	Kén	LUC	214	355	225.1	225.1		225.1	-	70,000	15,757,000	225.10	9,000	2,025,900	15,000	3,376,500	350,000	78,785,000	99,944,400	
22	Giáp Thị Hạnh Nguyễn Văn Minh	024164002473	0374490	Kén	LUC	214	589	215.6	215.6	-	215.6	-	70,000	15,092,000	215.60	9,000	1,940,400	15,000	3,234,000	350,000	75,460,000	95,726,400	315,462,000
		024164002473	0374490	Kén	LUC	214	304	387.8	387.8		387.8	-	70,000	27,146,000	387.80	9,000	3,490,200	15,000	5,817,000	350,000	135,730,000	172,183,200	
		024164002473	0374490	Kén	LUC	214	582	107.1	107.1		107.1	-	70,000	7,497,000	107.10	9,000	963,900	15,000	1,606,500	350,000	37,485,000	47,552,400	
24	Nguyễn Văn Tông (Nguyễn Thị Tân)	0345340		Kén	LUC	214	555	86.3	86.3	-	86.3	-	70,000	6,041,000	86.30	9,000	776,700	15,000	1,294,500	350,000	30,205,000	38,317,200	129,115,200
		0345340		Kén	LUC	214	509	79.0	79.0		79.0	-	70,000	5,530,000	79.00	9,000	711,000	15,000	1,185,000	350,000	27,650,000	35,076,000	
		0345340		Kén	LUC	214	521	125.5	125.5		125.5	-	70,000	8,785,000	125.50	9,000	1,129,500	15,000	1,882,500	350,000	43,925,000	55,722,000	
25	Nguyễn Thị Khuy	024163013040	0334289	Kén	LUC	214	411	209.6	209.6	-	209.6	-	70,000	14,672,000	209.60	9,000	1,886,400	15,000	3,144,000	350,000	73,360,000	93,062,400	199,311,600
		024163013040	0334289	Kén	LUC	214	412	239.3	239.3		239.3	-	70,000	16,751,000	239.30	9,000	2,153,700	15,000	3,589,500	350,000	83,755,000	106,249,200	
26	Nguyễn Văn Thuần	024074012778	0965150	Kén	LUC	214	466	175.3	175.3	-	175.3	-	70,000	12,271,000	175.30	9,000	1,577,700	15,000	2,629,500	350,000	61,355,000	77,833,200	99,145,200
		024074012778	0965150	Kén	LUC	214	562	48.0	48.0		48.0	-	70,000	3,360,000	48.00	9,000	432,000	15,000	720,000	350,000	16,800,000	21,312,000	

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân/Căn cước	Số điện thoại	Địa chỉ thửa đất	Loại đất	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích ca thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)		Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Bồi thường về đất		Số lượng	Bồi thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng tiền Bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân (đồng)
									Trong chỉ giới (m2)	Ngoài chỉ giới (m2)			Đơn giá bồi thường (đ/m2)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (ĐỒNG)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m2)	Thành tiền (đồng)		
1	(2)			(5)	(7)	(3)	(4)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(14)	(15)	22.0	23	24	32	34	37	38	49.00	50
27	Nguyễn Văn Thiệu	024066002388	03326840	Kèn	LUC	214	309	178.5	178.5	-	178.5	-	70,000	12,495,000	178.50	9,000	1,606,500	15,000	2,677,500	350,000	62,475,000	79,254,000	79,254,000
28	Nguyễn Công Lý	024059012828	03444080	Kèn	LUC	214	414	122.0	122.0	-	122.0	-	70,000	8,540,000	122.00	9,000	1,098,000	15,000	1,830,000	350,000	42,700,000	54,168,000	54,168,000
29	Hoàng Thị Hương Nguyễn Văn Bao	024169002261		Kèn	LUC	214	424	171.0	131.0	40.0	171.0	-	70,000	11,970,000	171.00	9,000	1,539,000	15,000	2,565,000	350,000	59,850,000	75,924,000	110,023,200
		024169002261		Kèn	LUC	214	306	76.8	76.8	-	76.8	-	70,000	5,376,000	76.80	9,000	691,200	15,000	1,152,000	350,000	26,880,000	34,099,200	
30	Nguyễn Trọng Nghĩa Nguyễn Văn Nghĩa	024077009168	03366530	Kèn	LUC	214	305	73.0	73.0	-	73.0	-	70,000	5,110,000	73.00	9,000	657,000	15,000	1,095,000	350,000	25,550,000	32,412,000	90,309,000
		024077009168	03366530	Kèn	LUC	213	231	79.0	79.0	-	79.0	-	70,000	5,530,000	79.00	-	15,000	1,185,000	350,000	27,650,000	34,365,000		
		024077009168	03366530	Kèn	LUC	214	509	53.0	53.0	-	53.0	-	70,000	3,710,000	53.00	9,000	477,000	15,000	795,000	350,000	18,550,000	23,532,000	
31	Nguyễn Văn Khắc	024077009168	03366530	Kèn	LUC	214	305	73.0	73.0	-	73.0	-	70,000	5,110,000	73.00	9,000	657,000	15,000	1,095,000	350,000	25,550,000	32,412,000	66,777,000
		024077009168	03366530	Kèn	LUC	213	231	79.0	79.0	-	79.0	-	70,000	5,530,000	79.00	-	15,000	1,185,000	350,000	27,650,000	34,365,000		
32	Bùi Văn Thắng Bùi Văn Tiến	024090003140	09680760	Kèn	LUC	214	302	100.7	100.7	-	100.7	-	70,000	7,049,000	100.70	9,000	906,300	15,000	1,510,500	350,000	35,245,000	44,710,800	100,477,200
		024090003140	09680760	Kèn	LUC	214	523	125.6	125.6	-	125.6	-	70,000	8,792,000	125.60	9,000	1,130,400	15,000	1,884,000	350,000	43,960,000	55,766,400	
33	Nguyễn Thị Đình Bùi Văn Giáp	024171002788		Kèn	LUC	214	302	101.0	101.0	-	101.0	-	70,000	7,070,000	101.00	9,000	909,000	15,000	1,515,000	350,000	35,350,000	44,844,000	121,389,600
		024171002788		Kèn	LUC	214	513	172.4	172.4	-	172.4	-	70,000	12,068,000	172.40	9,000	1,551,600	15,000	2,586,000	350,000	60,340,000	76,545,600	
34	Trần Thị Thế	024163002557		Kèn	LUC	214	305	243.0	243.0	-	243.0	-	70,000	17,010,000	243.00	9,000	2,187,000	15,000	3,645,000	350,000	85,050,000	107,892,000	107,892,000
35	Nguyễn Thị Nhời	024161001838	03423710	Kèn	LUC	214	866	111.7	111.7	-	111.7	-	70,000	7,819,000	111.70	9,000	1,005,300	15,000	1,675,500	350,000	39,095,000	49,594,800	49,594,800
36	Nguyễn Thị Hát Nguyễn Ngọc Thúc	024175003148	03729000	Kèn	LUC	214	194	144.0	144.0	-	144.0	-	70,000	10,080,000	144.00	9,000	1,296,000	15,000	2,160,000	350,000	50,400,000	63,936,000	63,936,000
37	Đoàn Thị Lụa	024168002490	03688160	Kèn	LUC	214	310	182.5	182.5	-	182.5	-	70,000	12,775,000	182.50	9,000	1,642,500	15,000	2,737,500	350,000	63,875,000	81,030,000	81,030,000
38	Nguyễn Văn Khuê	024075012525	09638340	Kèn	LUC	214	461	150.3	150.3	-	150.3	-	70,000	10,521,000	150.30	9,000	1,352,700	15,000	2,254,500	350,000	52,605,000	66,733,200	66,733,200
39	Nguyễn Thị Thúy (Nguyễn Văn Hằng)	024169009588	09760330	Kèn	LUC	213	231	49.0	49.0	-	49.0	-	70,000	3,430,000	49.00	-	15,000	735,000	350,000	17,150,000	21,315,000	75,483,000	
		024169009588	09760330	Kèn	LUC	214	414	62.0	62.0	-	62.0	-	70,000	4,340,000	62.00	9,000	558,000	15,000	930,000	350,000	21,700,000		27,528,000
		024169009588	09760330	Kèn	LUC	214	455	60.0	60.0	-	60.0	-	70,000	4,200,000	60.00	9,000	540,000	15,000	900,000	350,000	21,000,000		26,640,000
40	Bùi Thị Lý Đoàn Văn Khung	024174002811	03551070	Kèn	LUC	214	558	66.4	66.4	-	66.4	-	70,000	4,648,000	66.40	9,000	597,600	15,000	996,000	350,000	23,240,000	29,481,600	29,481,600
41	Đoàn Văn Thắng	024074001880	09764210	Kèn	LUC	214	455	90.0	90.0	-	90.0	-	70,000	6,300,000	90.00	9,000	810,000	15,000	1,350,000	350,000	31,500,000	39,960,000	39,960,000
42	Nguyễn Văn Lụa Nguyễn Văn Hạp	024075003072	03928050	Kèn	LUC	214	148	87.4	87.4	-	87.4	-	70,000	6,118,000	87.40	9,000	786,600	15,000	1,311,000	350,000	30,590,000	38,805,600	38,805,600
43	Nguyễn Văn Luật	024084004002	03770980	Kèn	LUC	214	519	137.8	137.8	-	137.8	-	70,000	9,646,000	137.80	9,000	1,240,200	15,000	2,067,000	350,000	48,230,000	61,183,200	61,183,200

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân/Căn cước	Số điện thoại	Địa chỉ thửa đất	Loại đất	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích cà,thừa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)		Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Bồi thường về đất		Số lượng	Bồi thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng tiền Bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân (đồng)
									Trong chi giới (m2)	Ngoài chi giới (m2)			Đơn giá bồi thường (đ/m2)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (ĐỒNG)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m2)	Thành tiền (đồng)		
1	(2)			(5)	(7)	(3)	(4)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(14)	(15)	22.0	23	24	32	34	37	38	49.00	50
44	Nguyễn Văn Cương	024051000603	0345556	Kèn	LUC	214	613	91.0	91.0	-	91.0	-	70,000	6,370,000	91.00	9,000	819,000	15,000	1,365,000	350,000	31,850,000	40,404,000	127,428,000
		024051000603	0345556	Kèn	LUC	214	514	196.0	196.0	-	196.0	-	70,000	13,720,000	196.00	9,000	1,764,000	15,000	2,940,000	350,000	68,600,000	87,024,000	
45	Phạm Văn Sáu	024068002348	0964922	Kèn	LUC	214	308	196.2	196.2	-	196.2	-	70,000	13,734,000	196.20	9,000	1,765,800	15,000	2,943,000	350,000	68,670,000	87,112,800	87,112,800
46	Nguyễn Thị Chư	024153001267	0328969	Kèn	LUC	214	509	50.0	50.0	-	50.0	-	70,000	3,500,000	50.00	9,000	450,000	15,000	750,000	350,000	17,500,000	22,200,000	22,200,000
47	Nguyễn Văn Hải	024067010875	0333519	Kèn	LUC	214	194	119.2	119.2	-	119.2	-	70,000	8,344,000	119.20	9,000	1,072,800	15,000	1,788,000	350,000	41,720,000	52,924,800	52,924,800
48	Nguyễn Văn Tư Nguyễn Xuân Quyền	024059005439	0385313	Kèn	LUC	214	520	178.4	178.4	-	178.4	-	70,000	12,488,000	178.40	9,000	1,605,600	15,000	2,676,000	350,000	62,440,000	79,209,600	223,198,800
		024059005439	0385313	Kèn	LUC	213	510	324.3	324.3	-	324.3	-	70,000	22,701,000	324.30	9,000	2,918,700	15,000	4,864,500	350,000	113,505,000	143,989,200	
49	Nguyễn Quốc Thế	024047000734		Kèn	LUC	214	468	152.8	152.8	-	152.8	-	70,000	10,696,000	152.80	9,000	1,375,200	15,000	2,292,000	350,000	53,480,000	67,843,200	137,684,400
		024047000734		Kèn	LUC	214	147	157.3	157.3	-	157.3	-	70,000	11,011,000	157.30	9,000	1,415,700	15,000	2,359,500	350,000	55,055,000	69,841,200	
50	Phạm Văn Kim	024065011936	0973149	Kèn	LUC	214	867	151.4	45.5	105.9	151.4	-	70,000	10,598,000	151.40	9,000	1,362,600	15,000	2,271,000	350,000	52,990,000	67,221,600	67,221,600
51	Nguyễn Thị Thơ Nguyễn Văn Khả	024172002696	0869931	Kèn	LUC	214	419	135.2	135.2	-	135.2	-	70,000	9,464,000	135.20	9,000	1,216,800	15,000	2,028,000	350,000	47,320,000	60,028,800	60,028,800
52	Nguyễn Đức Hoạt	024069007366	0975692	Kèn	LUC	214	409	180.5	180.5	-	180.5	-	70,000	12,635,000	180.50	9,000	1,624,500	15,000	2,707,500	350,000	63,175,000	80,142,000	197,085,000
		024069007366	0975692	Kèn	LUC	213	231	129.0	129.0	-	129.0	-	70,000	9,030,000	129.00	9,000	1,935,000	15,000	1,935,000	350,000	45,150,000	56,115,000	
		024069007366	0975692	Kèn	LUC	214	465	137.0	137.0	-	137.0	-	70,000	9,590,000	137.00	9,000	1,233,000	15,000	2,055,000	350,000	47,950,000	60,828,000	
53	Giáp Văn Từ		0375233	Kèn	LUC	214	511	109.7	109.7	-	109.7	-	70,000	7,679,000	109.70	9,000	987,300	15,000	1,645,500	350,000	38,395,000	48,706,800	147,452,400
			0375233	Kèn	LUC	214	357	222.4	222.4	-	222.4	-	70,000	15,568,000	222.40	9,000	2,001,600	15,000	3,336,000	350,000	77,840,000	98,745,600	
55	Đỗ Thị Kiều Hưng	024175003151	0388164	Kèn	LUC	214	469	380.8	380.8	-	380.8	-	70,000	26,656,000	380.80	9,000	3,427,200	15,000	5,712,000	350,000	133,280,000	169,075,200	169,075,200
56	Nguyễn Văn Đặng	024071008475	0332572	Kèn	LUC	214	424	171.0	131.0	40.0	171.0	-	70,000	11,970,000	171.00	9,000	1,539,000	15,000	2,565,000	350,000	59,850,000	75,924,000	105,405,600
		024071008475	0332572	Kèn	LUC	214	366	66.4	66.4	-	66.4	-	70,000	4,648,000	66.40	9,000	597,600	15,000	996,000	350,000	23,240,000	29,481,600	
57	Nguyễn Văn Cường	024062011936	0333583	Kèn	LUC	214	613	64.9	64.9	-	64.9	-	70,000	4,543,000	64.90	9,000	584,100	15,000	973,500	350,000	22,715,000	28,815,600	89,510,400
		024062011936	0333583	Kèn	LUC	214	515	51.6	51.6	-	51.6	-	70,000	3,612,000	51.60	9,000	464,400	15,000	774,000	350,000	18,060,000	22,910,400	
		024062011936	0333583	Kèn	LUC	213	232	85.1	85.1	-	85.1	-	70,000	5,957,000	85.10	9,000	765,900	15,000	1,276,500	350,000	29,785,000	37,784,400	
58	Bùi Văn Hoan	024048000729	0344371	Kèn	LUC	214	463	165.1	165.1	-	165.1	-	70,000	11,557,000	165.10	9,000	1,485,900	15,000	2,476,500	350,000	57,785,000	73,304,400	164,235,600
		024048000729	0344371	Kèn	LUC	214	588	204.8	204.8	-	204.8	-	70,000	14,336,000	204.80	9,000	1,843,200	15,000	3,072,000	350,000	71,680,000	90,931,200	
59	Nguyễn Văn Đôn	024073002683	0395178	Kèn	LUC	214	417	192.0	192.0	-	192.0	-	70,000	13,440,000	192.00	9,000	1,728,000	15,000	2,880,000	350,000	67,200,000	85,248,000	85,248,000

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân/Căn cước	Số điện thoại	Địa chỉ thửa đất	Loại đất	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)		Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Bồi thường về đất		Số lượng	Bồi thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng tiền Bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân (đồng)
									Trong chi giới (m2)	Ngoài chi giới (m2)			Đơn giá bồi thường (đ/m2)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (ĐỒNG)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m2)	Thành tiền (đồng)		
1	(2)			(5)	(7)	(3)	(4)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(14)	(15)	22.0	23	24	32	34	37	38	49.00	50
60	Đỗ Đức Lộc Đỗ Thị Nhung	024166007389	0986396	Kèn	LUC	214	470	276.0	276.0	-	276.0	-	70,000	19,320,000	276.00	9,000	2,484,000	15,000	4,140,000	350,000	96,600,000	122,544,000	122,544,000
61	Nguyễn Tiến Nguyễn	024064002321	0383946	Kèn	LUC	214	244	72.0	72.0	-	72.0	-	70,000	5,040,000	72.00	9,000	648,000	15,000	1,080,000	350,000	25,200,000	31,968,000	163,791,600
		024064002321	0383946	Kèn	LUC	214	413	108.5	108.5	-	108.5	-	70,000	7,595,000	108.50	9,000	976,500	15,000	1,627,500	350,000	37,975,000	48,174,000	
		024064002321	0383946	Kèn	LUC	214	414	64.2	64.2	-	64.2	-	70,000	4,494,000	64.20	9,000	577,800	15,000	963,000	350,000	22,470,000	28,504,800	
		024064002321	0383946	Kèn	LUC	214	464	124.2	124.2	-	124.2	-	70,000	8,694,000	124.20	9,000	1,117,800	15,000	1,863,000	350,000	43,470,000	55,144,800	
62	Đỗ Thị Lạp	024163002551		Kèn	LUC	214	244	233.1	233.1	-	233.1	-	70,000	16,317,000	233.10	9,000	2,097,900	15,000	3,496,500	350,000	81,585,000	103,496,400	253,213,200
		024163002551		Kèn	LUC	214	422	337.2	337.2	-	337.2	-	70,000	23,604,000	337.20	9,000	3,034,800	15,000	5,058,000	350,000	118,020,000	149,716,800	
63	Đỗ Thị Tới Nguyễn Văn Dũng		0971490	Kèn	LUC	214	868	108.1	108.1	-	108.1	-	70,000	7,567,000	108.10	9,000	972,900	15,000	1,621,500	350,000	37,835,000	47,996,400	47,996,400
64	Đỗ Thị Tới Đỗ Thị Tài	024140006432	0971490	Kèn	LUC	213	232	84.6	84.6	-	84.6	-	70,000	5,922,000	84.60	9,000	761,400	15,000	1,269,000	350,000	29,610,000	37,562,400	37,562,400
65	Nguyễn Văn Từ	024057001687	0379310	Kèn	LUC	214	526	433.4	433.4	-	433.4	-	70,000	30,338,000	433.40	9,000	3,900,600	15,000	6,501,000	350,000	151,690,000	192,429,600	192,429,600
66	Nguyễn Thị Nghi Đỗ Thị Nhi	024160002610	0865675	Kèn	LUC	214	359	97.4	97.4	-	97.4	-	70,000	6,818,000	97.40	9,000	876,600	15,000	1,461,000	350,000	34,090,000	43,245,600	91,064,400
		024160002610	0865675	Kèn	LUC	214	457	107.7	107.7	-	107.7	-	70,000	7,539,000	107.70	9,000	969,300	15,000	1,615,500	350,000	37,695,000	47,818,800	
67	Hoàng Thị Thế	024157001672	0325501	Kèn	LUC	214	471	86.0	4.5	81.5	86.0	-	70,000	6,020,000	86.00	9,000	774,000	15,000	1,290,000	350,000	30,100,000	38,184,000	38,184,000
68	Nguyễn Thị Sợ	024175003150	0397246	Kèn	LUC	214	420	161.5	161.5	-	161.5	-	70,000	11,305,000	161.50	9,000	1,453,500	15,000	2,422,500	350,000	56,525,000	71,706,000	164,502,000
		024175003150	0397246	Kèn	LUC	214	417	209.0	209.0	-	209.0	-	70,000	14,630,000	209.00	9,000	1,881,000	15,000	3,135,000	350,000	73,150,000	92,796,000	
69	Nguyễn Huy Tường	024066013238	0979919	Kèn	LUC	213	231	82.0	82.0	-	82.0	-	70,000	5,740,000	82.00		15,000	1,230,000	350,000	28,700,000	35,670,000	35,670,000	
70	Giáp Văn Bốn Đỗ Thị Mai Hương	024066013238	0979919	Kèn	LUC	214	361	226.8	226.8	-	226.8	-	70,000	15,876,000	226.80	9,000	2,041,200	15,000	3,402,000	350,000	79,380,000	100,699,200	100,699,200
71	Nguyễn Thị Lành Nguyễn Văn Lung	024175003150	0397246	Kèn	LUC	214	240	96.0	96.0	-	96.0	-	70,000	6,720,000	96.00	9,000	864,000	15,000	1,440,000	350,000	33,600,000	42,624,000	106,560,000
		024175003150	0397246	Kèn	LUC	214	588	144.0	144.0	-	144.0	-	70,000	10,080,000	144.00	9,000	1,296,000	15,000	2,160,000	350,000	50,400,000	63,936,000	
72	Nguyễn Thị Chuyên	024066013238	0979919	Kèn	LUC	214	551	143.8	143.8	-	143.8	-	70,000	10,066,000	143.80	9,000	1,294,200	15,000	2,157,000	350,000	50,330,000	63,847,200	63,847,200
TỔNG								17,980.3	17,693.1	287.2	17,980.3	-	1,258,621,000	17,980.3	#####	#####	#####	#####	7,979,491,200	7,979,491,200			

ĐỰ THAO PHƯƠNG AN TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHU NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN : CỤM CÔNG NGHIỆP PHƯƠNG SƠN - ĐẠI LAM

(Công khai và kiến nhận dân từ ngày 19/5/2026 đến ngày 29/5/2026)

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số điện thoại	Số tờ bản đồ	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)		Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Bồi thường và đất		Số lượng	Bồi thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Công thành tiền (đồng)	Tổng tiền Bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân (đồng)	Chi chú
								Trong chỉ giới (m ²)	Ngoài chỉ giới (m ²)			Đơn giá bồi thường (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)			
1	Đỗ Thị Hương Nguyễn Xuân Dược	024179004517	0866736156	223	16	Phường Lan 6	143.9	143.9	143.9	-	70.000	10.073.000	143.9	9.000	1.295.100	15.000	2.158.500	350.000	50.365.000	63.891.600	283.893.600		
		024179004517	0866736156	223	133	Phường Lan 6	221.2	221.2	221.2	-	70.000	15.484.000	221.2	9.000	1.990.800	15.000	3.318.000	350.000	77.420.000	98.212.800			
		024179004517	0866736156	333	310	Phường Lan 6	144.2	144.2	144.2	-	70.000	10.094.000	144.2	9.000	1.297.800	15.000	2.163.000	350.000	50.470.000	64.024.800			
		024179004517	0866736156	219	756	Phường Lan 6	130.1	92.0	38.1	130.1	-	70.000	9.107.000	130.1	9.000	1.170.900	15.000	1.951.500	350.000	45.535.000		57.764.400	
2	Nguyễn Thị Nhân	024179004517	0866736156	233	171	Phường Lan 6	138.5	138.5	138.5	-	70.000	9.695.000	138.5	9.000	1.246.500	15.000	2.077.500	350.000	48.475.000	61.494.000	61.494.000		
		024160005380	0979846269	219	423	Phường Lan 6	177.2	177.2	177.2	-	70.000	12.404.000	177.2	9.000	1.594.800	15.000	2.658.000	350.000	62.020.000	78.676.800			
3	Nguyễn Thị Hiền Nguyễn Văn Nghĩa	024072016798	0374347331	223	142	Phường Lan 6	226.7	226.7	226.7	-	70.000	15.869.000	226.7	9.000	2.040.300	15.000	3.400.500	350.000	79.345.000	100.654.800	416.383.200	chung thửa	
		024072016798	0374347331	219	307	Phường Lan 6	240.0	240.0	240.0	-	70.000	16.800.000	240.0	9.000	2.160.000	15.000	3.600.000	350.000	84.000.000	106.560.000			
		024072016798	0374347331	220	241	Phường Lan 6	293.9	293.9	293.9	-	70.000	20.573.000	293.9	9.000	2.645.100	15.000	4.408.500	350.000	102.865.000	130.491.600			
		024058000973	0374263513	219	249	Phường Lan 6	210.2	210.2	210.2	-	70.000	14.714.000	210.2	9.000	1.891.800	15.000	3.153.000	350.000	73.570.000	93.328.800			
4	Đặng Văn Chiến	024058000973	0374263513	219	166	Phường Lan 6	308.8	308.8	308.8	-	70.000	21.616.000	308.8	9.000	2.779.200	15.000	4.632.000	350.000	108.080.000	137.107.200	702.274.800	Chung thửa	
		024058000973	0374263513	219	659	Phường Lan 6	232.3	232.3	232.3	-	70.000	16.261.000	232.3	9.000	2.090.700	15.000	3.484.500	350.000	81.305.000	103.141.200			
		024058000973	0374263513	220	82	Phường Lan 6	334.8	334.8	334.8	-	70.000	23.436.000	334.8	9.000	3.013.200	15.000	5.022.000	350.000	117.180.000	148.651.200			
		024058000973	0374263513	233	190	Phường Lan 6	365.3	365.3	365.3	-	70.000	25.571.000	365.3	9.000	3.287.700	15.000	5.479.500	350.000	127.855.000	162.193.200			
		024058000973	0374263513	233	300	Phường Lan 6	130.3	130.3	130.3	-	70.000	9.121.000	130.3	9.000	1.172.700	15.000	1.954.500	350.000	45.605.000	57.853.200			
		024144003081	0346455426	220	240	Phường Lan 6	105.2	105.2	105.2	-	70.000	7.364.000	105.2	9.000	946.800	15.000	1.578.000	350.000	36.820.000	46.708.800			
6	Trần Thị Phương	024187011576	0338296697	219	24	Phường Lan 6	320.7	320.7	320.7	-	70.000	22.449.000	320.7	9.000	2.886.300	15.000	4.810.500	350.000	112.245.000	142.390.800	246.864.000		
		024187011576	0338296697	223	271	Phường Lan 6	235.3	235.3	235.3	-	70.000	16.471.000	235.3	9.000	2.117.700	15.000	3.529.500	350.000	82.355.000	104.473.200			
7	Nguyễn Văn Học Nguyễn Văn Tường	024060015518	0397852128	219	665	Phường Lan 6	137.2	137.2	137.2	-	70.000	9.604.000	137.2	9.000	1.234.800	15.000	2.058.000	350.000	48.020.000	60.916.800	552.336.000		
		024179004517	0866736156	219	636	Phường Lan 6	199.7	199.7	199.7	-	70.000	13.979.000	199.7	9.000	1.797.300	15.000	2.995.500	350.000	69.895.000	88.666.800			
		024179004517	0866736156	223	41	Phường Lan 6	220.9	220.9	220.9	-	70.000	15.463.000	220.9	9.000	1.988.100	15.000	3.313.500	350.000	77.315.000	98.079.600			
		024179004517	0866736156	223	116	Phường Lan 6	256.9	256.9	256.9	-	70.000	17.983.000	256.9	9.000	2.312.100	15.000	3.853.500	350.000	89.915.000	114.063.600			
		024179004517	0866736156	223	268	Phường Lan 6	141.1	141.1	141.1	-	70.000	9.877.000	141.1	9.000	1.269.900	15.000	2.116.500	350.000	49.385.000	62.648.400			
		024179004517	0866736156	223	272	Phường Lan 6	109.7	109.7	109.7	-	70.000	7.679.000	109.7	9.000	987.300	15.000	1.645.500	350.000	38.395.000	48.706.800			
		024179004517	0866736156	214	725	Phường Lan 6	178.5	178.5	178.5	-	70.000	12.495.000	178.5	9.000	1.606.500	15.000	2.677.500	350.000	62.475.000	79.254.000			
8	Trịnh Thị Thảo Đỗ Văn Khuya	024177008339	0393797617	220	32	Phường Lan 6	48.8	48.8	48.8	-	70.000	3.416.000	48.8	9.000	439.200	15.000	732.000	350.000	17.080.000	21.667.200	62.337.600		
				219	386	Phường Lan 6	91.6	91.6	91.6	-	70.000	6.412.000	91.6	9.000	824.400	15.000	1.374.000	350.000	32.060.000	40.670.400			
10	Nguyễn Văn Lý	024064007677	0383387369	219	447	Phường Lan 6	300.0	300.0	300.0	-	70.000	21.000.000	300.0	9.000	2.700.000	15.000	4.500.000	350.000	105.000.000	133.200.000	252.369.600		
		024064007677	0383387369	223	176	Phường Lan 6	107.3	107.3	107.3	-	70.000	7.511.000	107.3	9.000	965.700	15.000	1.609.500	350.000	37.555.000	47.641.200			
		024064007677	0383387369	220	92	Phường Lan 6	161.1	161.1	161.1	-	70.000	11.277.000	161.1	9.000	1.449.900	15.000	2.416.500	350.000	56.385.000	71.528.400			
11	Nguyễn Văn Thắng	024080015076	0987261379	219	125	Phường Lan 6	235.2	235.2	235.2	-	70.000	16.464.000	235.2	9.000	2.116.800	15.000	3.528.000	350.000	82.320.000	104.428.800	226.528.800		
		024080015076	0987261379	223	61	Phường Lan 6	275.0	275.0	275.0	-	70.000	19.250.000	275.0	9.000	2.475.000	15.000	4.125.000	350.000	96.250.000	122.100.000			
17	Đỗ Thị Đức	024171010038	0375764926	219	156	Phường Lan 6	181.8	181.8	181.8	-	70.000	12.726.000	181.8	9.000	1.636.200	15.000	2.727.000	350.000	63.630.000	80.719.200	300.686.600		
		024171010038	0375764926	219	345	Phường Lan 6	203.3	203.3	203.3	-	70.000	14.231.000	203.3	9.000	1.829.700	15.000	3.049.500	350.000	71.155.000	90.265.200			

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số điện thoại	Số tờ bản đồ	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích thu hồi (m ²)		Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Bồi thường về đất		Số lượng	Bồi thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ của hệ gia đình, cá nhân (đồng)	Ghi chú
							Trong chỉ giới (m ²)	Ngoài chỉ giới (m ²)			Đơn giá bồi thường (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)			
		024171010038	0375764926	223	169	Phuong Lan 6	152.5	152.5	152.5	-	70,000	10,675,000	152.5	9,000	1,372,500	15,000	2,287,500	350,000	53,375,000	67,710,000		
		024171010038	0375764926	220	35	Phuong Lan 6	319.8	319.8	319.8	-	70,000	22,386,000	319.8	9,000	2,878,200	15,000	4,797,000	350,000	111,930,000	141,991,200		
		024170013062	0379340075	219	249	Phuong Lan 6	96.7	96.7	96.7	-	70,000	6,769,000	96.7	9,000	870,300	15,000	1,450,500	350,000	33,845,000	42,934,800	chung thừa	
		024170013062	0379340075	219	166	Phuong Lan 6	120.4	120.4	120.4	-	70,000	8,428,000	120.4	9,000	1,083,600	15,000	1,806,000	350,000	42,140,000	53,457,600	Chung thừa	
		024170013062	0379340075	219	45	Phuong Lan 6	140.3	140.3	140.3	-	70,000	9,821,000	140.3	9,000	1,262,700	15,000	2,104,500	350,000	49,105,000	62,293,200		
		024170013062	0379340075	219	51	Phuong Lan 6	250.3	250.3	250.3	-	70,000	17,521,000	250.3	9,000	2,252,700	15,000	3,754,500	350,000	87,605,000	111,133,200		
11	Tân Thị Thiện	024170013062	0379340075	223	57	Phuong Lan 6	120.0	1.6	1.6	118.40	70,000	112,000	1.6	9,000	14,400	15,000	24,000	350,000	560,000	710,400	611 999 700	

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số điện thoại	Số hộ khẩu	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích cả thửa (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)		Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Bù thường về đất		Số lượng	Bồi thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng tiền Bồi thường, hỗ trợ của hệ gia đình, cá nhân (đồng)	Chú chú		
								Trong chỉ giới (m ²)	Ngoài chỉ giới (m ²)			Đơn giá bồi thường (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)				Đơn giá hỗ trợ (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)
		024170013062	0379340075	223	81	Phường Lan 6	156.2	156.2	156.2	-	70.000	10.934.000	156.2	9.000	1.405.800	15.000	2.343.000	350.000	54.670.000	69.352.800					
		024170013062	0379340075	223	88	Phường Lan 6	204.2	204.2	204.2	-	70.000	14.294.000	204.2	9.000	1.837.800	15.000	3.063.000	350.000	71.470.000	90.664.800					
		024170013062	0379340075	223	135	Phường Lan 6	112.4	112.4	112.4	-	70.000	7.868.000	112.4	9.000	1.011.600	15.000	1.686.000	350.000	39.340.000	49.905.600					
		024170013062	0379340075	233	136	Phường Lan 6	122.4	122.4	122.4	-	70.000	8.568.000	122.4	9.000	1.101.600	15.000	1.836.000	350.000	42.840.000	54.345.600					
		024170013062	0379340075	220	622	Phường Lan 6	172.3	172.3	172.3	-	70.000	12.061.000	172.3	9.000	1.550.700	15.000	2.584.500	350.000	60.305.000	76.501.200					
14	Trần Đức Thủy	024063011721	03756977896	219	419	Phường Lan 6	125.3	125.3	125.3	-	70.000	8.771.000	125.3	9.000	1.127.700	15.000	1.879.500	350.000	43.855.000	55.633.200		55.633.200			
15	Trương Thị Độ Đỗ Văn Nhân	024064014154	0352233472	219	15	Phường Lan 6	96.0	96.0	96.0	-	70.000	6.720.000	96.0	9.000	864.000	15.000	1.440.000	350.000	33.600.000	42.624.000					
		024064014154	0352233472	219	98	Phường Lan 6	171.3	171.3	171.3	-	70.000	11.991.000	171.3	9.000	1.541.700	15.000	2.569.500	350.000	59.955.000	76.057.200					
		024064014154	0352233472	219	347	Phường Lan 6	329.0	329.0	329.0	-	70.000	23.030.000	329.0	9.000	2.961.000	15.000	4.935.000	350.000	115.150.000	146.076.000		382.017.600			
		024064014154	0352233472	223	225	Phường Lan 6	122.1	122.1	122.1	-	70.000	8.547.000	122.1	9.000	1.098.900	15.000	1.831.500	350.000	42.735.000	54.212.400					
		024064014154	0352233472	223	226	Phường Lan 6	142.0	142.0	142.0	-	70.000	9.940.000	142.0	9.000	1.278.000	15.000	2.130.000	350.000	49.700.000	63.048.000					
16	Đỗ Văn Trọng Đỗ Thanh Thủy	024171001774	0986530210	220	249	Phường Lan 6	120.1	120.1	120.1	-	70.000	8.407.000	120.1	9.000	1.080.900	15.000	1.801.500	350.000	42.035.000	53.324.400					
		024171001774	0986530210	214	717	Phường Lan 6	168.0	168.0	168.0	-	70.000	11.760.000	168.0	9.000	1.512.000	15.000	2.520.000	350.000	58.800.000	74.592.000					
		024171001774	0986530210	233	267	Phường Lan 6	129.8	129.8	129.8	-	70.000	9.086.000	129.8	9.000	1.168.200	15.000	1.947.000	350.000	45.430.000	57.631.200					
17	Tô Thị Lan	024160010692	0862762260	219	186	Phường Lan 6	180.3	180.3	180.3	-	70.000	12.621.000	180.3	9.000	1.622.700	15.000	2.704.500	350.000	63.105.000	80.053.200					
				219	202	Phường Lan 6	182.6	182.6	182.6	-	70.000	12.782.000	182.6	9.000	1.643.400	15.000	2.739.000	350.000	63.910.000	81.074.400		346.852.800			
				219	133	Phường Lan 6	171.3	171.3	171.3	-	70.000	11.991.000	171.3	9.000	1.541.700	15.000	2.569.500	350.000	59.955.000	76.057.200					
				219	451	Phường Lan 6	247.0	247.0	247.0	-	70.000	17.290.000	247.0	9.000	2.223.000	15.000	3.705.000	350.000	86.450.000	109.668.000					
18	Đỗ Quốc Khánh	024075001575	0387595889	223	34	Phường Lan 6	373.3	373.3	373.3	-	70.000	26.131.000	373.3	9.000	3.359.700	15.000	5.599.500	350.000	130.655.000	165.745.200		329.803.200			
		024160010692	0862762260	219	711	Phường Lan 6	369.5	369.5	369.5	-	70.000	25.865.000	369.5	9.000	3.325.500	15.000	5.542.500	350.000	129.325.000	164.058.000					
19	Đỗ Văn Hải	0334639633	219	259	Phường Lan 6	23.3	23.3	23.3	-	70.000	1.631.000	23.3	9.000	209.700	15.000	349.500	350.000	8.155.000	10.345.200						
		0862762260	219	116	Phường Lan 6	204.8	204.8	204.8	-	70.000	14.336.000	204.8	9.000	1.843.200	15.000	3.072.000	350.000	71.680.000	90.931.200		134.665.200				
		0862762260	219	296	Phường Lan 6	75.2	75.2	75.2	-	70.000	5.264.000	75.2	9.000	676.800	15.000	1.128.000	350.000	26.320.000	33.388.800						
		024180003128	0989172342	219	415	Phường Lan 6	231.9	231.9	231.9	-	70.000	16.233.000	231.9	9.000	2.087.100	15.000	3.478.500	350.000	81.165.000	102.963.600					

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số điện thoại	Số tờ bản đồ	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)		Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Bất thường về đất		Số lượng	Bất thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ của hệ giá đất, cả nhàn (đồng)	Ghi chú
								Trong chỉ giới (m2)	Ngoài chỉ giới (m2)			Đơn giá bồi thường (đ/m2)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m2)	Thành tiền (đồng)			
20	Nguyễn Thị Bình Nguyễn Văn Dương	024180003128	0989172342	223	250	Phường Lan 6	148.9	121.0	27.9	148.9	-	70,000	10,423,000	148.9	9,000	1,340,100	15,000	2,233,500	350,000	52,115,000	66,111,600	243,001,200	
		024180003128	0989172342	220	144	Phường Lan 6	166.5	166.5		166.5	-	70,000	11,655,000	166.5	9,000	1,498,500	15,000	2,497,500	350,000	58,275,000	73,926,000		
21	Trần Ánh Sáng	024055003914	0386713644	220	255	Phường Lan 6	173.2	173.2		173.2	-	70,000	12,124,000	173.2	9,000	1,558,800	15,000	2,598,000	350,000	60,620,000	76,900,800	851,325,600	
		024055003914	0386713644	220	648	Phường Lan 6	259.7	126.9		126.9	132.80	70,000	8,883,000	126.9	9,000	1,142,100	15,000	1,903,500	350,000	44,415,000	56,343,600		
		024055003914	0386713644	220	588	Phường Lan 6	170.3	170.3		170.3	-	70,000	11,921,000	170.3	9,000	1,532,700	15,000	2,554,500	350,000	59,605,000	75,613,200		
		024055003914	0386713644	233	299	Phường Lan 6	237.5	237.5		237.5	-	70,000	16,625,000	237.5	9,000	2,137,500	15,000	3,562,500	350,000	83,125,000	105,450,000		
		024055003914	0386713644	219	188	Phường Lan 6	300.3	300.3		300.3	-	70,000	21,021,000	300.3	9,000	2,702,700	15,000	4,504,500	350,000	105,105,000	133,333,200		
				219	64	Phường Lan 6	236.6	236.6		236.6	-	70,000	16,562,000	236.6	9,000	2,129,400	15,000	3,549,000	350,000	82,810,000	105,050,400		
				223	101	Phường Lan 6	263.0	263.0		263.0	-	70,000	18,410,000	263.0	9,000	2,367,000	15,000	3,945,000	350,000	92,050,000	116,772,000		
				223	117	Phường Lan 6	113.6	113.6		113.6	-	70,000	7,952,000	113.6	9,000	1,022,400	15,000	1,704,000	350,000	39,760,000	50,438,400		
				219	706	Phường Lan 6	166.3	166.3		166.3	-	70,000	11,641,000	166.3	9,000	1,496,700	15,000	2,494,500	350,000	58,205,000	73,837,200		
				219	754	Phường Lan 6	129.7	122.4	7.3	129.7	-	70,000	9,079,000	129.7	9,000	1,167,300	15,000	1,945,500	350,000	45,395,000	57,586,800		
22	Ngô Thị Lưu Đỗ Thị Lợi	220	249	Phường Lan 6	187.2	187.2		187.2	-	70,000	13,104,000	187.2	9,000	1,684,800	15,000	2,808,000	350,000	65,520,000	83,116,800	318,614,400			
		220	661	Phường Lan 6	285.9	285.9		285.9	-	70,000	20,013,000	285.9	9,000	2,573,100	15,000	4,288,500	350,000	100,065,000	126,939,600				
		223	95	Phường Lan 6	244.5	244.5		244.5	-	70,000	17,115,000	244.5	9,000	2,200,500	15,000	3,667,500	350,000	85,575,000	108,558,000				
23	Nguyễn Văn Lễ	024061005442	0968943468	219	46	Phường Lan 6	85.7	85.7		85.7	-	70,000	5,999,000	85.7	9,000	771,300	15,000	1,285,500	350,000	29,995,000	38,050,800	397,069,200	
		024061005442	0968943468	219	806	Phường Lan 6	195.2	195.2		195.2	-	70,000	13,664,000	195.2	9,000	1,756,800	15,000	2,928,000	350,000	68,320,000	86,668,800		
		024061005442	0968943468	219	85	Phường Lan 6	136.6	136.6		136.6	-	70,000	9,562,000	136.6	9,000	1,229,400	15,000	2,049,000	350,000	47,810,000	60,650,400		
		024061005442	0968943468	223	128	Phường Lan 6	180.4	180.4		180.4	-	70,000	12,628,000	180.4	9,000	1,623,600	15,000	2,706,000	350,000	63,140,000	80,097,600		
		024061005442	0968943468	223	270	Phường Lan 6	114.0	114.0		114.0	-	70,000	7,980,000	114.0	9,000	1,026,000	15,000	1,710,000	350,000	39,900,000	50,616,000		
		024061005442	0968943468	220	203	Phường Lan 6	182.4	145.7	36.7	182.4	-	70,000	12,768,000	182.4	9,000	1,641,600	15,000	2,736,000	350,000	63,840,000	80,985,600		
24	Nguyễn Văn Việt Nguyễn Văn Khải	024061005442	0968943468	220	43	Phường Lan 6	355.7	197.6	158.1	355.7	-	70,000	24,899,000	355.7	9,000	3,201,300	15,000	5,335,500	350,000	124,495,000	157,930,800	1,139,437,200	
		024061005442	0968943468	220	251	Phường Lan 6	226.2	226.2		226.2	-	70,000	15,834,000	226.2	9,000	2,035,800	15,000	3,395,000	350,000	79,170,000	100,432,800		
		024061005442	0968943468	220	647	Phường Lan 6	140.0	140.0		140.0	-	70,000	9,800,000	140.0	9,000	1,260,000	15,000	2,100,000	350,000	49,000,000	62,160,000		
		024061005442	0968943468	220	643	Phường Lan 6	230.8	230.8		230.8	-	70,000	16,156,000	230.8	9,000	2,077,200	15,000	3,462,000	350,000	80,780,000	102,475,200		
		024061005442	0968943468	223	92	Phường Lan 6	629.7	629.7		629.7	-	70,000	44,079,000	629.7	9,000	5,667,300	15,000	9,445,500	350,000	220,395,000	279,586,800		
		024061005442	0968943468	223	107	Phường Lan 6	339.8	339.8		339.8	-	70,000	23,786,000	339.8	9,000	3,058,200	15,000	5,097,000	350,000	118,930,000	150,871,200		
		024061005442	0968943468	219	47	Phường Lan 6	267.5	267.5		267.5	-	70,000	18,725,000	267.5	9,000	2,407,500	15,000	4,012,500	350,000	93,625,000	118,770,000		
		024061005442	0968943468	219	103	Phường Lan 6	129.2	129.2		129.2	-	70,000	9,044,000	129.2	9,000	1,162,800	15,000	1,938,000	350,000	45,220,000	57,364,800		
		024061005442	0968943468	233	264	Phường Lan 6	80.9	65.9	15.0	80.9	-	70,000	5,663,000	80.9	9,000	728,100	15,000	1,213,500	350,000	28,315,000	35,919,600		
				223	141	Phường Lan 6	166.5	166.5		166.5	-	70,000	11,655,000	166.5	9,000	1,498,500	15,000	2,497,500	350,000	58,275,000	73,926,000		
25	Nguyễn Văn Quy	024073010024	0984075703	219	269	Phường Lan 6	96.3	96.3		96.3	-	70,000	6,741,000	96.3	9,000	866,700	15,000	1,444,500	350,000	33,705,000	42,757,200	418,647,600	
				219	379	Phường Lan 6	174.2	174.2		174.2	-	70,000	12,194,000	174.2	9,000	1,567,800	15,000	2,613,000	350,000	60,970,000	77,344,800		
				220	34	Phường Lan 6	125.3	125.3		125.3	-	70,000	8,771,000	125.3	9,000	1,127,700	15,000	1,879,500	350,000	43,855,000	55,633,200		
				220	76	Phường Lan 6	547.1	547.1		547.1	-	70,000	38,297,000	547.1	9,000	4,923,900	15,000	8,206,500	350,000	191,485,000	242,912,400		
		024063011944	0978487918	219	664	Phường Lan 6	110.7	110.7		110.7	-	70,000	7,749,000	110.7	9,000	996,300	15,000	1,660,500	350,000	38,745,000	49,150,800		

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số điện thoại	Số hộ khẩu	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)		Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Bồi thường về đất		Số lượng	Bồi thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ của hệ gia đình, cá nhân (đồng)	Ghi chú	
								Trong chỉ giới (m2)	Ngoài chỉ giới (m2)			Đơn giá bồi thường (đ/m2)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m2)	Thành tiền (đồng)				
26	Trần Văn Hào				223	89	Phường Lan 6	194.9	194.9	194.9	-	70.000	13.643.000	194.9	9.000	1.754.100	15.000	2.923.500	350.000	68.215.000	86.535.600	814.562.400		
					220	291	Phường Lan 6	433.9	433.9	433.9	-	70.000	30.373.000	433.9	9.000	3.905.100	15.000	6.508.500	350.000	151.865.000	192.651.600			
					233	199	Phường Lan 6	371.1	371.1	371.1	-	70.000	25.977.000	371.1	9.000	3.339.900	15.000	5.566.500	350.000	129.885.000	164.768.400			
					233	243	Phường Lan 6	240.9	240.9	240.9	-	70.000	16.863.000	240.9	9.000	2.168.100	15.000	3.613.500	350.000	84.315.000	106.959.600			
					233	266	Phường Lan 6	112.8	91.7	21.1	112.8	-	70.000	7.896.000	112.8	9.000	1.015.200	15.000	1.692.000	350.000	39.480.000			50.083.200
					223	269	Phường Lan 6	370.3	370.3	370.3	-	70.000	25.921.000	370.3	9.000	3.332.700	15.000	5.554.500	350.000	129.605.000	164.413.200			
27	Nguyễn Văn Việt	0339092619				219	120	Phường Lan 6	168.9	77.0	77.0	91.90	70.000	5.390.000	77.0	9.000	693.000	15.000	1.155.000	350.000	26.950.000	34.188.000	340.592.400	
						219	179	Phường Lan 6	191.7	191.7	191.7	-	70.000	13.419.000	191.7	9.000	1.725.300	15.000	2.875.500	350.000	67.095.000	85.114.800		
						219	476	Phường Lan 6	237.0	237.0	237.0	-	70.000	16.590.000	237.0	9.000	2.133.000	15.000	3.555.000	350.000	82.950.000	105.228.000		
						220	79	Phường Lan 6	84.1	84.1	84.1	-	70.000	5.887.000	84.1	9.000	756.900	15.000	1.261.500	350.000	29.435.000	37.340.400		
						220	192	Phường Lan 6	177.3	177.3	177.3	-	70.000	12.411.000	177.3	9.000	1.595.700	15.000	2.659.500	350.000	62.055.000	78.721.200		
28	Nguyễn Thị Quyên Đỗ Chí Cường	02407212291	0358370945		233	249	Phường Lan 6	234.4	234.4	234.4	-	70.000	16.408.000	234.4	9.000	2.109.600	15.000	3.516.000	350.000	82.040.000	104.073.600	104.073.600		
29	Nguyễn Văn Thái Nguyễn Thị Hồi	024057006109	0384967313		219	416	Phường Lan 6	349.3	349.3	349.3	-	70.000	24.451.000	349.3	9.000	3.143.700	15.000	5.239.500	350.000	122.255.000	155.089.200	155.089.200		
30	Nguyễn Văn Báo	024058011586	0978427532		219	75	Phường Lan 6	226.4	226.4	226.4	-	70.000	15.848.000	226.4	9.000	2.037.600	15.000	3.396.000	350.000	79.240.000	100.521.600	462.736.800		
					219	445	Phường Lan 6	220.3	220.3	220.3	-	70.000	15.421.000	220.3	9.000	1.982.700	15.000	3.304.500	350.000	77.105.000	97.813.200			
					223	203	Phường Lan 6	325.7	325.7	325.7	-	70.000	22.799.000	325.7	9.000	2.931.300	15.000	4.885.500	350.000	113.995.000	144.610.800			
					214	851	Phường Lan 6	109.6	3.7	105.9	109.6	-	70.000	7.672.000	109.6	9.000	986.400	15.000	1.644.000	350.000	38.360.000			48.662.400
					220	333	Phường Lan 6	160.2	160.2	160.2	-	70.000	11.214.000	160.2	9.000	1.441.800	15.000	2.403.000	350.000	56.070.000	71.128.800			
31	Trương Văn Dũng	024076008000	0389120287		219	150	Phường Lan 6	217.5	217.5	217.5	-	70.000	15.225.000	217.5	9.000	1.957.500	15.000	3.262.500	350.000	76.125.000	96.570.000	96.570.000		
32	Đỗ Thị Khanh Nguyễn Văn Đăng	0987944388		219	77	Phường Lan 6	179.2	179.2	179.2	-	70.000	12.544.000	179.2	9.000	1.612.800	15.000	2.688.000	350.000	62.720.000	79.564.800	167.610.000			
				220	77	Phường Lan 6	198.3	198.3	198.3	-	70.000	13.881.000	198.3	9.000	1.784.700	15.000	2.974.500	350.000	69.405.000	88.045.200				
33	Nguyễn Văn Dũng (Nguyễn Văn Dũng)	024072001373	0332895539		219	152	Phường Lan 6	265.6	265.6	265.6	-	70.000	18.592.000	265.6	9.000	2.390.400	15.000	3.984.000	350.000	92.960.000	117.926.400	611.388.000		
					219	579	Phường Lan 6	116.2	116.2	116.2	-	70.000	8.134.000	116.2	9.000	1.045.800	15.000	1.743.000	350.000	40.670.000	51.592.800			
					220	147	Phường Lan 6	62.3	62.3	62.3	-	70.000	4.361.000	62.3	9.000	560.700	15.000	934.500	350.000	21.805.000	27.661.200			
					223	75	Phường Lan 6	366.1	359.1	7.0	366.1	-	70.000	25.627.000	366.1	9.000	3.294.900	15.000	5.491.500	350.000	128.135.000			162.548.400
					223	206	Phường Lan 6	189.5	189.5	189.5	-	70.000	13.265.000	189.5	9.000	1.705.500	15.000	2.842.500	350.000	66.325.000	84.138.000			
					233	215	Phường Lan 6	61.6	61.6	61.6	-	70.000	4.312.000	61.6	9.000	554.400	15.000	924.000	350.000	21.560.000	27.350.400			
					219	40	Phường Lan 6	125.6	125.6	125.6	-	70.000	8.792.000	125.6	9.000	1.130.400	15.000	1.884.000	350.000	43.960.000	55.766.400			
					220	243	Phường Lan 6	190.1	190.1	190.1	-	70.000	13.307.000	190.1	9.000	1.710.900	15.000	2.851.500	350.000	66.535.000	84.404.400			
34	Nguyễn Văn Cộng	02405500446	03871555695		219	116	Phường Lan 6	264.8	264.8	264.8	-	70.000	18.536.000	264.8	9.000	2.383.200	15.000	3.972.000	350.000	92.680.000	117.571.200	471.883.200		
					219	120	Phường Lan 6	232.5	95.5	95.5	137.00	70.000	6.685.000	95.5	9.000	859.500	15.000	1.432.500	350.000	33.425.000	42.402.000			
					223	148	Phường Lan 6	101.4	67.8	33.6	101.4	-	70.000	7.098.000	101.4	9.000	912.600	15.000	1.521.000	350.000	35.490.000			45.021.600
					223	175	Phường Lan 6	183.4	183.4	183.4	-	70.000	12.838.000	183.4	9.000	1.650.600	15.000	2.751.000	350.000	64.190.000	81.429.600			
					220	73	Phường Lan 6	101.4	101.4	101.4	-	70.000	7.098.000	101.4	9.000	912.600	15.000	1.521.000	350.000	35.490.000	45.021.600			
					220	191	Phường Lan 6	128.5	128.5	128.5	-	70.000	8.995.000	128.5	9.000	1.156.500	15.000	1.927.500	350.000	44.975.000	57.054.000			
					219	157	Phường Lan 6	187.8	187.8	187.8	-	70.000	13.146.000	187.8	9.000	1.690.200	15.000	2.817.000	350.000	65.730.000	83.383.200			

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số điện thoại	Số tờ bản đồ	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)		Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Bù thường về đất		Số lượng	Bù thường, tài sản, cây trồng trên đất			Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng giá bù thường, hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân (đồng)	Ghi chú		
								Trong chi giới (m2)	Ngoài chi giới (m2)			Đơn giá bù thường (đ/m2)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m2)	Thành tiền (đồng)						
																					Đơn giá bồi thường (đ/m2)				Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)
35	Nguyễn Văn Cửu	024062006070	0984217198	219	499	Phường Lan 6	114.7	114.7	114.7	-	70,000	8,029,000	114.7	9,000	1,032,300	15,000	1,720,500	350,000	40,145,000	50,926,800	97,502,400					
							220	239	Phường Lan 6	104.9	104.9	104.9	-	70,000	7,343,000	104.9	9,000	944,100	15,000	1,573,500			350,000	36,715,000	46,575,600	
36	Đỗ Thị Thoan Đào Đăng Kiểm	024177013629	0948214381	220	692	Phường Lan 6	210.7	210.7	210.7	-	70,000	14,749,000	210.7	9,000	1,896,300	15,000	3,160,500	350,000	73,745,000	93,550,800	93,550,800					
37	Phạm Thị Tâm	024147000837	0973185028	219	380	Phường Lan 6	250.9	250.9	250.9	-	70,000	17,563,000	250.9	9,000	2,258,100	15,000	3,763,500	350,000	87,815,000	111,399,600	111,399,600					
38	Đỗ Thị Thủy	024175006314	0973185028	219	139	Phường Lan 6	204.2	204.2	204.2	-	70,000	14,294,000	204.2	9,000	1,837,800	15,000	3,063,000	350,000	71,470,000	90,664,800	295,526,400					
							219	418	Phường Lan 6	164.4	164.4	164.4	-	70,000	11,508,000	164.4	9,000	1,479,600	15,000	2,466,000			350,000	57,540,000	72,993,600	
							220	196	Phường Lan 6	96.9	96.9	96.9	-	70,000	6,783,000	96.9	9,000	872,100	15,000	1,453,500			350,000	33,915,000	43,023,600	
							220	287	Phường Lan 6	200.1	200.1	200.1	-	70,000	14,007,000	200.1	9,000	1,800,900	15,000	3,001,500			350,000	70,035,000	88,844,400	
39	Đỗ Văn Thắng	024049002976	0397218696	223	156	Phường Lan 6	388.5	388.5	388.5	-	70,000	27,195,000	388.5	9,000	3,496,500	15,000	5,827,500	350,000	135,975,000	172,494,000	530,802,000					
							223	160	Phường Lan 6	235.8	235.8	235.8	-	70,000	16,506,000	235.8	9,000	2,122,200	15,000	3,537,000			350,000	82,530,000	104,695,200	
							220	296	Phường Lan 6	118.9	109.5	18.4	118.9	-	70,000	8,323,000	118.9	9,000	1,070,100	15,000			1,783,500	350,000	41,615,000	52,791,600
							220	644	Phường Lan 6	452.3	452.3	452.3	-	70,000	31,661,000	452.3	9,000	4,070,700	15,000	6,784,500			350,000	158,305,000	200,821,200	
40	Nguyễn Thị Hà Nguyễn Thị Bô	024143002667	0972895905	219	79	Phường Lan 6	77.9	77.9	77.9	-	70,000	5,453,000	77.9	9,000	701,100	15,000	1,168,500	350,000	27,265,000	34,587,600	217,604,400					
							220	40	Phường Lan 6	144.7	144.7	144.7	-	70,000	10,129,000	144.7	9,000	1,302,300	15,000	2,170,500			350,000	50,645,000	64,246,800	
							219	304	Phường Lan 6	208.9	208.9	208.9	-	70,000	14,623,000	208.9	9,000	1,880,100	15,000	3,133,500			350,000	73,115,000	92,751,600	
							223	199	Phường Lan 6	193.5	58.6	58.6	134.90	70,000	4,102,000	58.6	9,000	527,400	15,000	879,000			350,000	20,510,000	26,018,400	
41	Trịnh Thị Đạo Đỗ Văn Chan	024167009040	0976943862	219	104	Phường Lan 6	143.0	143.0	143.0	-	70,000	10,010,000	143.0	9,000	1,287,000	15,000	2,145,000	350,000	50,050,000	63,492,000	480,807,600					
							223	85	Phường Lan 6	190.2	190.2	190.2	-	70,000	13,314,000	190.2	9,000	1,711,800	15,000	2,853,000			350,000	66,570,000	84,448,800	
							223	139	Phường Lan 6	382.0	382.0	382.0	-	70,000	26,740,000	382.0	9,000	3,438,000	15,000	5,730,000			350,000	133,700,000	169,608,000	
							223	208	Phường Lan 6	140.1	140.1	140.1	-	70,000	9,807,000	140.1	9,000	1,260,900	15,000	2,101,500			350,000	49,035,000	62,204,400	
							214	791	Phường Lan 6	148.7	148.7	148.7	-	70,000	10,409,000	148.7	9,000	1,338,300	15,000	2,236,500			350,000	52,045,000	66,022,800	
							220	669	Phường Lan 6	78.9	78.9	78.9	-	70,000	5,523,000	78.9	9,000	710,100	15,000	1,183,500			350,000	27,615,000	35,031,600	
42	Trần Thị Bích	024150005903		223	171	Phường Lan 6	130.1	130.1	130.1	-	70,000	9,107,000	130.1	9,000	1,170,900	15,000	1,951,500	350,000	45,535,000	57,764,400	104,872,800					
							219	385	Phường Lan 6	106.1	106.1	106.1	-	70,000	7,427,000	106.1	9,000	954,900	15,000	1,591,500			350,000	37,135,000	47,108,400	
43	Nguyễn Thị Lệ Hoàng Văn Lương	024071002679	0963283432	219	107	Phường Lan 6	370.0	370.0	370.0	-	70,000	25,900,000	370.0	9,000	3,330,000	15,000	5,550,000	350,000	129,500,000	164,280,000	526,983,600					
							223	67	Phường Lan 6	375.0	375.0	375.0	-	70,000	26,250,000	375.0	9,000	3,375,000	15,000	5,625,000			350,000	131,250,000	166,500,000	
							220	342	Phường Lan 6	209.3	209.3	209.3	-	70,000	14,651,000	209.3	9,000	1,883,700	15,000	3,139,500			350,000	73,255,000	92,929,200	
							233	296	Phường Lan 6	232.6	232.6	232.6	-	70,000	16,282,000	232.6	9,000	2,093,400	15,000	3,489,000			350,000	81,410,000	103,274,400	
44	(Bà) Thị Huyền Đỗ Văn Thi Trương Thị Đỗ	024045003220	0378648993	219	106	Phường Lan 6	335.3	335.3	335.3	-	70,000	23,471,000	335.3	9,000	3,017,700	15,000	5,029,500	350,000	117,355,000	148,873,200	883,515,600					
							219	130	Phường Lan 6	491.5	491.5	491.5	-	70,000	34,405,000	491.5	9,000	4,423,500	15,000	7,372,500			350,000	172,025,000	218,226,000	
							219	784	Phường Lan 6	142.0	142.0	142.0	-	70,000	9,940,000	142.0	9,000	1,278,000	15,000	2,130,000			350,000	49,700,000	63,048,000	
							223	57	Phường Lan 6	125.9	3.8	3.8	122.10	70,000	266,000	3.8	9,000	34,200	15,000	57,000			350,000	1,330,000	1,687,200	
							223	78	Phường Lan 6	101.5	14.5	14.5	87.00	70,000	1,015,000	14.5	9,000	130,500	15,000	217,500			350,000	5,075,000	6,438,000	
							223	93	Phường Lan 6	377.6	377.6	377.6	-	70,000	26,432,000	377.6	9,000	3,398,400	15,000	5,664,000			350,000	132,160,000	167,654,400	
							223	237	Phường Lan 6	210.0	210.0	210.0	-	70,000	14,700,000	210.0	9,000	1,890,000	15,000	3,150,000			350,000	73,500,000	93,240,000	
							233	279	Phường Lan 6	415.2	415.2	415.2	-	70,000	29,064,000	415.2	9,000	3,736,800	15,000	6,228,000			350,000	145,320,000	184,348,800	

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số điện thoại	Số tờ sổ địa	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)		Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Bất thường về đất		Số lượng	Bất thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng tiền Bất thường, hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân (đồng)	Ghi chú	
								Trong chỉ giới (m ²)	Ngoài chỉ giới (m ²)			Đơn giá bồi thường (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)				
																								Đơn giá bồi thường (đ/m ²)
					220	248	Phường Lan 6	396.2	396.2	396.2	-	70,000	27,734,000	396.2	9,000	3,565,800	15,000	5,943,000	350,000	138,670,000	175,912,800			
					220	289	Phường Lan 6	346.7	346.7	346.7	-	70,000	24,269,000	346.7	9,000	3,120,300	15,000	5,200,500	350,000	121,345,000	153,934,800			
					220	683	Phường Lan 6	305.1	305.1	305.1	-	70,000	21,357,000	305.1	9,000	2,745,900	15,000	4,576,500	350,000	106,785,000	135,464,400			
54	Ngô Văn Hùng (Nguyễn Thị Hậu)	024056000761	0396864387		220	132	Phường Lan 6	292.4	292.4	292.4	-	70,000	20,468,000	292.4	9,000	2,631,600	15,000	4,386,000	350,000	102,340,000	129,825,600	129,825,600		
55	Nguyễn Thị Tự Nguyễn Văn Sự	024161009732	0975514872		219	126	Phường Lan 6	295.8	295.8	295.8	-	70,000	20,706,000	295.8	9,000	2,662,200	15,000	4,437,000	350,000	103,530,000	131,335,200			
					219	554	Phường Lan 6	261.0	261.0	261.0	-	70,000	18,270,000	261.0	9,000	2,349,000	15,000	3,915,000	350,000	91,350,000	115,884,000			
					223	69	Phường Lan 6	364.8	268.4	96.4	364.8	-	70,000	25,536,000	364.8	9,000	3,283,200	15,000	5,472,000	350,000	127,680,000	161,971,200		
					223	188	Phường Lan 6	213.0	213.0	213.0	-	70,000	14,910,000	213.0	9,000	1,917,000	15,000	3,195,000	350,000	74,550,000	94,572,000	1,033,543,200		
					214	722	Phường Lan 6	327.2	259.5	67.7	327.2	-	70,000	22,904,000	327.2	9,000	2,944,800	15,000	4,908,000	350,000	114,520,000	145,276,800		
					220	85	Phường Lan 6	329.8	329.8	329.8	-	70,000	23,086,000	329.8	9,000	2,968,200	15,000	4,947,000	350,000	115,430,000	146,431,200			
					220	339	Phường Lan 6	222.3	222.3	222.3	-	70,000	15,561,000	222.3	9,000	2,000,700	15,000	3,334,500	350,000	77,805,000	98,701,200			
					233	273	Phường Lan 6	313.9	313.9	313.9	-	70,000	21,973,000	313.9	9,000	2,825,100	15,000	4,708,500	350,000	109,865,000	139,371,600			
56	Đặng Thị Tư Trương Thị Kim	024067010096	0973049378		219	84	Phường Lan 6	80.7	60.8	19.9	80.7	-	70,000	5,649,000	80.7	9,000	726,300	15,000	1,210,500	350,000	28,245,000	35,830,800	183,993,600	
					219	299	Phường Lan 6	168.8	168.8	168.8	-	70,000	11,816,000	168.8	9,000	1,519,200	15,000	2,532,000	350,000	59,080,000	74,947,200			
					220	377	Phường Lan 6	164.9	164.9	164.9	-	70,000	11,543,000	164.9	9,000	1,484,100	15,000	2,473,500	350,000	57,715,000	73,215,600			
57	Đào Thị Xuân Trần Văn Quyết	024061010738	0376990559		219	162	Phường Lan 6	190.3	190.3	190.3	-	70,000	13,321,000	190.3	9,000	1,712,700	15,000	2,854,500	350,000	66,605,000	84,493,200	440,092,800		
					219	78	Phường Lan 6	177.2	177.2	177.2	-	70,000	12,404,000	177.2	9,000	1,594,800	15,000	2,658,000	350,000	62,020,000	78,676,800			
					219	381	Phường Lan 6	101.5	101.5	101.5	-	70,000	7,105,000	101.5	9,000	913,500	15,000	1,522,500	350,000	35,525,000	45,066,000			
					219	312	Phường Lan 6	103.1	103.1	103.1	-	70,000	7,217,000	103.1	9,000	927,900	15,000	1,546,500	350,000	36,085,000	45,776,400			
					223	147	Phường Lan 6	151.1	151.1	151.1	-	70,000	10,577,000	151.1	9,000	1,359,900	15,000	2,266,500	350,000	52,885,000	67,088,400			
					223	201	Phường Lan 6	122.5	118.8	3.7	122.5	-	70,000	8,575,000	122.5	9,000	1,102,500	15,000	1,837,500	350,000	42,875,000	54,390,000		
					220	376	Phường Lan 6	145.5	145.5	145.5	-	70,000	10,185,000	145.5	9,000	1,309,500	15,000	2,182,500	350,000	50,925,000	64,602,000			
58	Trần Thị Tuyết	024166005102		223	244	Phường Lan 6	86.4	86.4	86.4	-	70,000	6,048,000	86.4	9,000	777,600	15,000	1,296,000	350,000	30,240,000	38,361,600	141,680,400			
				220	194	Phường Lan 6	232.7	232.7	232.7	-	70,000	16,289,000	232.7	9,000	2,094,300	15,000	3,496,500	350,000	81,445,000	103,318,800				
59	Nguyễn Văn Thi	024071006494	0972072125		219	58	Phường Lan 6	240.0	240.0	240.0	-	70,000	16,800,000	240.0	9,000	2,160,000	15,000	3,600,000	350,000	84,000,000	106,560,000	741,746,400		
					223	163	Phường Lan 6	144.5	144.5	144.5	-	70,000	10,115,000	144.5	9,000	1,300,500	15,000	2,167,500	350,000	50,575,000	64,158,000			
					220	655	Phường Lan 6	139.4	139.4	139.4	-	70,000	9,758,000	139.4	9,000	1,254,600	15,000	2,091,000	350,000	48,790,000	61,893,600			
					233	169	Phường Lan 6	141.0	141.0	141.0	-	70,000	9,870,000	141.0	9,000	1,269,000	15,000	2,115,000	350,000	49,350,000	62,604,000			
					223	108	Phường Lan 6	167.8	167.8	167.8	-	70,000	11,746,000	167.8	9,000	1,510,200	15,000	2,517,000	350,000	58,730,000	74,503,200			
					219	73	Phường Lan 6	347.2	347.2	347.2	-	70,000	24,304,000	347.2	9,000	3,124,800	15,000	5,208,000	350,000	121,520,000	154,156,800			
					223	118	Phường Lan 6	126.1	126.1	126.1	-	70,000	8,827,000	126.1	9,000	1,134,900	15,000	1,891,500	350,000	44,135,000	55,988,400			
					223	44	Phường Lan 6	237.7	237.7	237.7	-	70,000	16,639,000	237.7	9,000	2,139,300	15,000	3,565,500	350,000	83,195,000	105,538,800			
					219	107	Phường Lan 6	126.9	126.9	126.9	-	70,000	8,883,000	126.9	9,000	1,142,100	15,000	1,903,500	350,000	44,415,000	56,343,600	Số cấp sai diện tích, có ST		
60	Trần Văn Tri	024071006494	0973874198		220	312	Phường Lan 6	106.3	106.3	106.3	-	70,000	7,441,000	106.3	9,000	956,700	15,000	1,594,500	350,000	37,205,000	47,197,200	108,735,600		
					223	198	Phường Lan 6	138.6	138.6	138.6	-	70,000	9,702,000	138.6	9,000	1,247,400	15,000	2,079,000	350,000	48,510,000	61,538,400			
					219	71	Phường Lan 6	137.3	137.3	137.3	-	70,000	9,611,000	137.3	9,000	1,235,700	15,000	2,059,500	350,000	48,055,000	60,961,200			

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số điện thoại	Số tờ bản đồ	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích ca thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)		Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Bồi thường về đất		Số lượng	Bồi thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân (đồng)	Ghi chú		
								Trong chi giới (m2)	Ngoài chi giới (m2)			Đơn giá bồi thường (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)				
																							Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)
61	Nguyễn Văn Hiệp Vũ Thị Nhung				219	110	Phường Lan 6	535.5	535.5	535.5	-	70,000	37,485,000	535.5	9,000	4,819,500	15,000	8,032,500	350,000	187,425,000	237,762,000	710,755,200		
					223	42	Phường Lan 6	247.5	247.5	247.5	-	70,000	17,325,000	247.5	9,000	2,227,500	15,000	3,712,500	350,000	86,625,000	109,890,000			
					223	106	Phường Lan 6	341.0	341.0	341.0	-	70,000	23,870,000	341.0	9,000	3,069,000	15,000	5,115,000	350,000	119,350,000	151,404,000			
					220	50	Phường Lan 6	203.2	72.0	72.0	131.20	70,000	5,040,000	72.0	9,000	648,000	15,000	1,080,000	350,000	25,200,000	31,968,000			
					233	271	Phường Lan 6	267.5	267.5	267.5	-	70,000	18,725,000	267.5	9,000	2,407,500	15,000	4,012,500	350,000	93,625,000	118,770,000			
62	Trịnh Thị Bền Trần Văn Cam	024162005672	0395886851		219	205	Phường Lan 6	271.3	199.9	199.9	71.40	70,000	13,993,000	199.9	9,000	1,799,100	15,000	2,998,500	350,000	69,965,000	88,755,600	151,670,400		
					219	420	Phường Lan 6	141.7	141.7	141.7	-	70,000	9,919,000	141.7	9,000	1,275,300	15,000	2,125,500	350,000	49,595,000	62,914,800			
63	Trịnh Thị Bền Trần Văn Cường	02408600408	0395886851		219	342	Phường Lan 6	266.3	266.3	266.3	-	70,000	18,641,000	266.3	9,000	2,396,700	15,000	3,994,500	350,000	93,205,000	118,237,200	118,237,200		
64	Nguyễn Văn Thọ Đỗ Thị Lâm	024052007814			220	40	Phường Lan 6	144.0	144.0	144.0	-	70,000	10,080,000	144.0	9,000	1,296,000	15,000	2,160,000	350,000	50,400,000	63,936,000	597,002,400		
					219	137	Phường Lan 6	218.2	218.2	218.2	-	70,000	15,274,000	218.2	9,000	1,963,800	15,000	3,273,000	350,000	76,370,000	96,880,800			
					219	339	Phường Lan 6	170.2	170.2	170.2	-	70,000	11,914,000	170.2	9,000	1,531,800	15,000	2,553,000	350,000	59,570,000	75,568,800			
					223	165	Phường Lan 6	118.6	118.6	118.6	-	70,000	8,302,000	118.6	9,000	1,067,400	15,000	1,779,000	350,000	41,510,000	52,658,400			
					223	224	Phường Lan 6	267.4	182.5	84.9	267.4	-	70,000	18,718,000	267.4	9,000	2,406,600	15,000	4,011,000	350,000	93,590,000			118,725,600
					220	74	Phường Lan 6	426.2	426.2	426.2	-	70,000	29,834,000	426.2	9,000	3,835,800	15,000	6,393,000	350,000	149,170,000	189,232,800			
65	Nguyễn Thị Huệ Đặng Văn Xuyên	024168001159	0988286619		220	673	Phường Lan 6	184.2	184.2	184.2	-	70,000	12,894,000	184.2	9,000	1,657,800	15,000	2,763,000	350,000	64,470,000	81,784,800	81,784,800		
66	Trương Thị Khánh Nguyễn Thị Toàn	0241760008953	0365956311		219	173	Phường Lan 6	173.9	173.9	173.9	-	70,000	12,173,000	173.9	9,000	1,565,100	15,000	2,608,500	350,000	60,865,000	77,211,600	345,032,400		
					219	139	Phường Lan 6	359.1	359.1	359.1	-	70,000	25,137,000	359.1	9,000	3,231,900	15,000	5,386,500	350,000	125,685,000	159,440,400			
					223	217	Phường Lan 6	244.1	244.1	244.1	-	70,000	17,087,000	244.1	9,000	2,196,900	15,000	3,661,500	350,000	85,435,000	108,380,400			
67	Trần Thị Lý Đỗ Văn Ngự	024062001284			214	751	Phường Lan 6	92.7	92.7	92.7	-	70,000	6,489,000	92.7	9,000	834,300	15,000	1,390,500	350,000	32,445,000	41,158,800	780,152,400		
					214	752	Phường Lan 6	255.0	255.0	255.0	-	70,000	17,850,000	255.0	9,000	2,295,000	15,000	3,825,000	350,000	89,250,000	113,270,000			
					219	668	Phường Lan 6	409.3	409.3	409.3	-	70,000	28,651,000	409.3	9,000	3,683,700	15,000	6,139,500	350,000	143,255,000	181,729,200			
					220	72	Phường Lan 6	121.6	121.6	121.6	-	70,000	8,512,000	121.6	9,000	1,094,400	15,000	1,824,000	350,000	42,560,000	53,990,400			
					220	293	Phường Lan 6	224.3	224.3	224.3	-	70,000	15,701,000	224.3	9,000	2,018,700	15,000	3,364,500	350,000	78,505,000	99,589,200			
					223	112	Phường Lan 6	234.2	234.2	234.2	-	70,000	16,394,000	234.2	9,000	2,107,800	15,000	3,513,000	350,000	81,970,000	103,984,800			
					223	46	Phường Lan 6	105.1	105.1	105.1	-	70,000	7,357,000	105.1	9,000	945,900	15,000	1,576,500	350,000	36,785,000	46,664,400			
					223	111	Phường Lan 6	314.9	314.9	314.9	-	70,000	22,043,000	314.9	9,000	2,834,100	15,000	4,723,500	350,000	110,215,000	139,815,600			
68	Trương Văn Tiến	024078010186	0974166695		223	99	Phường Lan 6	285.3	285.3	285.3	-	70,000	19,971,000	285.3	9,000	2,567,700	15,000	4,279,500	350,000	99,855,000	126,673,200	126,673,200		
69	Đỗ Văn Trọng Đỗ Thị Vân	024173008101			220	697	Phường Lan 6	169.0	169.0	169.0	-	70,000	11,830,000	169.0	9,000	1,521,000	15,000	2,535,000	350,000	59,150,000	75,036,000	168,897,600		
					233	315	Phường Lan 6	211.4	211.4	211.4	-	70,000	14,798,000	211.4	9,000	1,902,600	15,000	3,171,000	350,000	73,990,000	93,861,600			
70	Đặng Thị Minh (Nguyễn Trung Ngự)	024144005187			219	54	Phường Lan 6	145.3	145.3	145.3	-	70,000	10,171,000	145.3	9,000	1,307,700	15,000	2,179,500	350,000	50,855,000	64,513,200	550,693,200		
					219	124	Phường Lan 6	272.8	272.8	272.8	-	70,000	19,096,000	272.8	9,000	2,455,200	15,000	4,092,000	350,000	95,480,000	121,123,200			
					223	91	Phường Lan 6	242.1	242.1	242.1	-	70,000	16,947,000	242.1	9,000	2,178,900	15,000	3,631,500	350,000	84,735,000	107,492,400			
					223	213	Phường Lan 6	450.0	450.0	450.0	-	70,000	31,500,000	450.0	9,000	4,050,000	15,000	6,750,000	350,000	157,500,000	199,800,000			
					214	793	Phường Lan 6	320.4	130.1	130.1	190.30	70,000	9,107,000	130.1	9,000	1,170,900	15,000	1,951,500	350,000	45,535,000	57,764,400			
71	Trần Thị Thuý	024179005598	0975097438		220	687	Phường Lan 6	200.5	200.5	200.5	-	70,000	14,035,000	200.5	9,000	1,804,500	15,000	3,007,500	350,000	70,175,000	89,022,000	250,416,000		
					223	121	Phường Lan 6	242.2	242.2	242.2	-	70,000	16,954,000	242.2	9,000	2,179,800	15,000	3,633,000	350,000	84,770,000	107,536,800			

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số địa thuế	Số tờ bản đồ	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)		Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Bất thường về đất		Số lượng	Bất thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng tiền Bất thường, hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân (đồng)	Ghi chú		
								Trong chỉ giới (m ²)	Ngoài chỉ giới (m ²)			Đơn giá bồi thường (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (Đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)				Đơn giá hỗ trợ (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)
72	Trần Thị Thuần				233	163	Phường Lan 6	121.3	121.3	121.3	-	70.000	8.491.000	121.3	9.000	1.091.700	15.000	1.819.500	350.000	42.455.000	53.857.200	680.829.600			
					219	63	Phường Lan 6	216.2	216.2	216.2	-	70.000	15.134.000	216.2	9.000	1.945.800	15.000	3.243.000	350.000	75.670.000	95.992.800				
					219	164	Phường Lan 6	358.5	358.5	358.5	-	70.000	25.095.000	358.5	9.000	3.226.500	15.000	5.377.500	350.000	125.475.000	159.174.000				
					220	676	Phường Lan 6	118.8	118.8	118.8	-	70.000	8.316.000	118.8	9.000	1.069.200	15.000	1.782.000	350.000	41.580.000	52.747.200				
					223	23	Phường Lan 6	17.1	14.0	3.1	17.1	-	70.000	1.197.000	17.1	9.000	153.900	15.000	256.500	350.000	5.985.000			7.592.400	
					220	253	Phường Lan 6	172.6	145.1	27.5	172.6	-	70.000	12.082.000	172.6	9.000	1.553.400	15.000	2.589.000	350.000	60.410.000			76.634.400	
					220	587	Phường Lan 6	167.0	167.0	167.0	-	70.000	11.690.000	167.0	9.000	1.503.000	15.000	2.505.000	350.000	58.450.000	74.148.000				
					220	663	Phường Lan 6	275.3	275.3	275.3	-	70.000	19.271.000	275.3	9.000	2.477.700	15.000	4.129.500	350.000	96.355.000	122.233.200				
73	Đỗ Văn Minh Nguyễn Thị Bích Thuận	024059007768	0977747241	219	69	Phường Lan 6	213.0	213.0	213.0	-	70.000	14.910.000	213.0	9.000	1.917.000	15.000	3.195.000	350.000	74.550.000	94.572.000	312.220.800				
				223	151	Phường Lan 6	287.1	287.1	287.1	-	70.000	20.097.000	287.1	9.000	2.583.900	15.000	4.306.500	350.000	100.485.000	127.472.400					
				223	166	Phường Lan 6	108.1	108.1	108.1	-	70.000	7.567.000	108.1	9.000	972.900	15.000	1.621.500	350.000	37.835.000	47.996.400					
				220	344	Phường Lan 6	95.0	93.3	1.7	95.0	-	70.000	6.650.000	95.0	9.000	855.000	15.000	1.425.000	350.000	33.250.000			42.180.000		
74	(Trương Thị Dung) Nguyễn Thị Từ Nguyễn Văn Đoàn	219	220	Phường Lan 6	243.9	243.9	243.9	-	70.000	17.073.000	243.9	9.000	2.195.100	15.000	3.658.500	350.000	85.365.000	108.291.600	108.291.600						
75	Đỗ Thị Thị	024165004710	233	168	Phường Lan 6	101.6	101.6	101.6	-	70.000	7.112.000	101.6	9.000	914.400	15.000	1.524.000	350.000	35.560.000	45.110.400	45.110.400					
76	(Đỗ Thị Hân) Nguyễn Văn Quỳnh Nguyễn Thị Hoa	024165004710		223	64	Phường Lan 6	272.0	272.0	272.0	-	70.000	19.040.000	272.0	9.000	2.448.000	15.000	4.080.000	350.000	95.200.000	120.768.000	267.376.800				
				220	680	Phường Lan 6	330.2	330.2	330.2	-	70.000	23.114.000	330.2	9.000	2.971.800	15.000	4.953.000	350.000	115.570.000	146.608.800					
77	Đỗ Thị Hân Nguyễn Văn Long			219	109	Phường Lan 6	437.8	437.8	437.8	-	70.000	30.646.000	437.8	9.000	3.940.200	15.000	6.567.000	350.000	153.230.000	194.383.200	892.173.600				
				219	639	Phường Lan 6	296.8	296.8	296.8	-	70.000	20.776.000	296.8	9.000	2.671.200	15.000	4.452.000	350.000	103.880.000	131.779.200					
				223	127	Phường Lan 6	214.9	214.9	214.9	-	70.000	15.043.000	214.9	9.000	1.934.100	15.000	3.223.500	350.000	75.215.000	95.415.600					
				220	200	Phường Lan 6	467.7	467.7	467.7	-	70.000	32.739.000	467.7	9.000	4.209.300	15.000	7.015.500	350.000	163.695.000	207.658.800					
				223	131	Phường Lan 6	281.4	281.4	281.4	-	70.000	19.698.000	281.4	9.000	2.532.600	15.000	4.221.000	350.000	98.490.000	124.941.600					
				233	195	Phường Lan 6	310.8	310.8	310.8	-	70.000	21.756.000	310.8	9.000	2.797.200	15.000	4.662.000	350.000	108.780.000	137.995.200					
78	(Đỗ Thị Hân) Nguyễn Văn Vinh Hoàng Thị Thanh	024181016148	0375041610	219	70	Phường Lan 6	155.7	155.7	155.7	-	70.000	10.899.000	155.7	9.000	1.401.300	15.000	2.335.500	350.000	54.495.000	69.130.800	133.821.600				
				220	294	Phường Lan 6	145.7	145.7	145.7	-	70.000	10.199.000	145.7	9.000	1.311.300	15.000	2.185.500	350.000	50.995.000	64.690.800					
79	Nông Văn Thanh Nông Thị Sâm	024181016148	0375041610	219	253	Phường Lan 6	269.2	34.6	34.6	234.60	70.000	2.422.000	34.6	9.000	311.400	15.000	519.000	350.000	12.110.000	15.362.400	111.133.200				
				219	376	Phường Lan 6	215.7	215.7	215.7	-	70.000	15.099.000	215.7	9.000	1.941.300	15.000	3.235.500	350.000	75.495.000	95.770.800					
80	Nông Văn Thanh	024076008903	0375041610	219	97	Phường Lan 6	142.5	142.5	142.5	-	70.000	9.975.000	142.5	9.000	1.282.500	15.000	2.137.500	350.000	49.875.000	63.270.000	63.270.000				
81	Đỗ Thị Nga Nguyễn Văn Xuân	024069001036	0364979401	223	205	Phường Lan 6	95.0	95.0	95.0	-	70.000	6.650.000	95.0	9.000	855.000	15.000	1.425.000	350.000	33.250.000	42.180.000	133.866.000				
				219	147	Phường Lan 6	121.6	121.6	121.6	-	70.000	8.512.000	121.6	9.000	1.094.400	15.000	1.824.000	350.000	42.560.000	53.990.400					
				219	632	Phường Lan 6	84.9	84.9	84.9	-	70.000	5.943.000	84.9	9.000	764.100	15.000	1.273.500	350.000	29.715.000	37.695.600					
82	Nguyễn Thị Tiến Đỗ Văn Khoa	024047003324	0974343064	219	134	Phường Lan 6	68.7	68.7	68.7	-	70.000	4.809.000	68.7	9.000	618.300	15.000	1.030.500	350.000	24.045.000	30.502.800	127.960.800				
				220	332	Phường Lan 6	219.5	219.5	219.5	-	70.000	15.365.000	219.5	9.000	1.975.500	15.000	3.292.500	350.000	76.825.000	97.458.000					
		024047003324	0974343064	219	92	Phường Lan 6	539.0	539.0	539.0	-	70.000	37.730.000	539.0	9.000	4.851.000	15.000	8.085.000	350.000	188.650.000	239.316.000					
				219	684	Phường Lan 6	40.7	40.7	40.7	-	70.000	2.849.000	40.7	9.000	366.300	15.000	610.500	350.000	14.245.000	18.070.800					
				223	70	Phường Lan 6	159.3	159.3	159.3	-	70.000	11.151.000	159.3	9.000	1.433.700	15.000	2.389.500	350.000	55.755.000	70.729.200					

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số điện thoại	Số tờ bản đồ	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)		Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Bất thường về đất		Số lượng	Bất thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng tiền Bất thường, hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân (đồng)	Ghi chú
								Trong chỉ giới (m ²)	Ngoài chỉ giới (m ²)			Đơn giá bồi thường (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (Đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)			
83	Đỗ Văn Thảo Đỗ Chí Mạnh				223	94	Phường Lan 6	270.0	270.0	270.0	-	70.000	18.900.000	270.0	9.000	2.430.000	15.000	4.050.000	350.000	94.500.000	119.880.000	1.006.281.600	
					223	153	Phường Lan 6	533.8	533.8	533.8	-	70.000	37.366.000	533.8	9.000	4.804.200	15.000	8.007.000	350.000	186.830.000	237.007.200		
					220	618	Phường Lan 6	386.5	386.5	386.5	-	70.000	27.055.000	386.5	9.000	3.478.500	15.000	5.797.500	350.000	135.275.000	171.606.000		
					220	195	Phường Lan 6	337.1	337.1	337.1	-	70.000	23.597.000	337.1	9.000	3.033.900	15.000	5.056.500	350.000	117.985.000	149.672.400		
84	Ngô Thị Thìn Đỗ Văn Long	024075011573	0961686514		223	152	Phường Lan 6	184.3	184.3	184.3	-	70.000	12.901.000	184.3	9.000	1.658.700	15.000	2.764.500	350.000	64.505.000	81.829.200	156.510.000	
					233	201	Phường Lan 6	168.2	168.2	168.2	-	70.000	11.774.000	168.2	9.000	1.513.800	15.000	2.523.000	350.000	58.870.000	74.680.800		
85	Đỗ Văn Trọng	024076003146	0986530210		223	105	Phường Lan 6	223.3	223.3	223.3	-	70.000	15.631.000	223.3	9.000	2.009.700	15.000	3.349.500	350.000	78.155.000	99.145.200	501.631.200	
					223	115	Phường Lan 6	227.7	227.7	227.7	-	70.000	15.939.000	227.7	9.000	2.049.300	15.000	3.415.500	350.000	79.695.000	101.098.800		
					220	645	Phường Lan 6	161.5	161.5	161.5	-	70.000	11.305.000	161.5	9.000	1.453.500	15.000	2.422.500	350.000	56.525.000	71.706.000		
					223	293	Phường Lan 6	348.0	348.0	348.0	-	70.000	24.360.000	348.0	9.000	3.132.000	15.000	5.220.000	350.000	121.800.000	154.512.000		
86	Trương Văn phải (Trương Văn Quý)	024049005454	0984637200		219	254	Phường Lan 6	188.7	188.7	188.7	-	70.000	13.209.000	188.7	9.000	1.698.300	15.000	2.830.500	350.000	66.045.000	83.782.800	580.574.400	
					219	176	Phường Lan 6	110.7	110.7	110.7	-	70.000	7.749.000	110.7	9.000	996.300	15.000	1.660.500	350.000	38.745.000	49.150.800		
					219	417	Phường Lan 6	149.1	149.1	149.1	-	70.000	10.437.000	149.1	9.000	1.341.900	15.000	2.236.500	350.000	52.185.000	66.200.400		
					219	773	Phường Lan 6	119.0	119.0	119.0	-	70.000	8.330.000	119.0	9.000	1.071.000	15.000	1.785.000	350.000	41.650.000	52.836.000		
87	Hoàng Thị Thuý Hoàng Thị Dự	24168005153	0985286489		219	167	Phường Lan 6	293.7	293.7	293.7	-	70.000	20.559.000	293.7	9.000	2.643.300	15.000	4.405.500	350.000	102.795.000	130.402.800	369.052.800	
					219	578	Phường Lan 6	104.8	104.8	104.8	-	70.000	7.336.000	104.8	9.000	943.200	15.000	1.572.000	350.000	36.680.000	46.531.200		
					223	164	Phường Lan 6	206.3	206.3	206.3	-	70.000	14.441.000	206.3	9.000	1.856.700	15.000	3.094.500	350.000	72.205.000	91.597.200		
					220	345	Phường Lan 6	66.1	56.8	9.3	66.1	-	70.000	4.627.000	66.1	9.000	594.900	15.000	991.500	350.000	23.135.000		29.348.400
88	Nguyễn Thị Sưu	024154005891	0983937981		219	774	Phường Lan 6	146.7	146.7	146.7	-	70.000	10.269.000	146.7	9.000	1.320.300	15.000	2.200.500	350.000	51.345.000	65.134.800	65.134.800	
		024071008835	0778386882		219	168	Phường Lan 6	112.3	112.3	112.3	-	70.000	7.861.000	112.3	9.000	1.010.700	15.000	1.684.500	350.000	39.305.000	49.861.200		
					219	53	Phường Lan 6	217.8	217.8	217.8	-	70.000	15.246.000	217.8	9.000	1.960.200	15.000	3.267.000	350.000	76.230.000	96.703.200		
					219	123	Phường Lan 6	232.5	232.5	232.5	-	70.000	16.275.000	232.5	9.000	2.092.500	15.000	3.487.500	350.000	81.375.000	103.230.000		
89	Lê Thị Lý (Nguyễn Đức Tài)				219	628	Phường Lan 6	285.8	285.8	285.8	-	70.000	20.006.000	285.8	9.000	2.572.200	15.000	4.287.000	350.000	100.030.000	126.895.200	810.477.600	
					223	207	Phường Lan 6	265.7	265.7	265.7	-	70.000	18.599.000	265.7	9.000	2.391.300	15.000	3.985.500	350.000	92.995.000	117.970.800		
					214	790	Phường Lan 6	93.1	93.1	93.1	-	70.000	6.517.000	93.1	9.000	837.900	15.000	1.396.500	350.000	32.585.000	41.336.400		
					220	612	Phường Lan 6	219.2	219.2	219.2	-	70.000	15.344.000	219.2	9.000	1.972.800	15.000	3.288.000	350.000	76.720.000	97.324.800		
90	Nguyễn Thị Linh (Nguyễn Văn Minh)	30148007197			219	267	Phường Lan 6	328.1	328.1	328.1	-	70.000	22.967.000	328.1	9.000	2.952.900	15.000	4.921.500	350.000	114.835.000	145.676.400	430.236.000	
					219	771	Phường Lan 6	87.2	87.2	87.2	-	70.000	6.104.000	87.2	9.000	784.800	15.000	1.308.000	350.000	30.520.000	38.716.800		
					223	168	Phường Lan 6	110.4	110.4	110.4	-	70.000	7.728.000	110.4	9.000	993.600	15.000	1.656.000	350.000	38.640.000	49.017.600		

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số điện thoại	Số từ điển	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích thửa đất (m2)	Diện tích thửa hồi (m2)		Tổng diện tích thửa hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Bồi thường về đất		Số lượng	Bồi thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Tổng thành tiền (đồng)	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân (đồng)	Ghi chú	
								Trong chỉ giới (m2)	Ngoài chỉ giới (m2)			Đơn giá bồi thường (đ/m2)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m2)	Thành tiền (đồng)				
90					214	792	Phường Lan 6	238.6	238.6	238.6	-	70.000	16.702.000	238.6	9.000	2.147.400	15.000	3.579.000	350.000	83.510.000	105.938.400			
					220	33	Phường Lan 6	204.7	204.7	204.7	-	70.000	14.329.000	204.7	9.000	1.842.300	15.000	3.070.500	350.000	71.645.000	90.886.800			
91	(Lương Thị Hương) Nguyễn Văn Lý Nguyễn Thị Hương	024184011654	0338136530		219	55	Phường Lan 6	262.3	262.3	262.3	-	70.000	18.361.000	262.3	9.000	2.360.700	15.000	3.934.500	350.000	91.805.000	116.461.200			
					219	633	Phường Lan 6	208.5	208.5	208.5	-	70.000	14.595.000	208.5	9.000	1.876.500	15.000	3.127.500	350.000	72.975.000	92.574.000			
					223	122	Phường Lan 6	145.6	145.6	145.6	-	70.000	10.192.000	145.6	9.000	1.310.400	15.000	2.184.000	350.000	50.960.000	64.646.400			
					223	126	Phường Lan 6	270.2	270.2	270.2	-	70.000	18.914.000	270.2	9.000	2.431.800	15.000	4.053.000	350.000	94.570.000	119.968.800		897.990.000	
					223	187	Phường Lan 6	372.5	372.5	372.5	-	70.000	26.075.000	372.5	9.000	3.352.500	15.000	5.587.500	350.000	130.375.000	165.390.000			
					220	340	Phường Lan 6	285.7	285.7	285.7	-	70.000	19.999.000	285.7	9.000	2.571.300	15.000	4.285.500	350.000	99.995.000	126.850.800			
					220	671	Phường Lan 6	79.2	79.2	79.2	-	70.000	5.544.000	79.2	9.000	712.800	15.000	1.188.000	350.000	27.720.000	35.164.800			
					220	620	Phường Lan 6	398.5	398.5	398.5	-	70.000	27.895.000	398.5	9.000	3.586.500	15.000	5.977.500	350.000	139.475.000	176.934.000			
92	Nguyễn Thị Cơ Nguyễn Văn Trước	0392618667			219	50	Phường Lan 6	247.0	247.0	247.0	-	70.000	17.290.000	247.0	9.000	2.223.000	15.000	3.705.000	350.000	86.450.000	109.668.000			
					219	149	Phường Lan 6	246.8	246.8	246.8	-	70.000	17.276.000	246.8	9.000	2.221.200	15.000	3.702.000	350.000	86.380.000	109.579.200			
					219	666	Phường Lan 6	187.8	187.8	187.8	-	70.000	13.146.000	187.8	9.000	1.690.200	15.000	2.817.000	350.000	65.730.000	83.383.200			
					223	40	Phường Lan 6	244.2	244.2	244.2	-	70.000	17.094.000	244.2	9.000	2.197.800	15.000	3.663.000	350.000	85.470.000	108.424.800			
					223	103	Phường Lan 6	176.9	127.9	49.0	176.9	-	70.000	12.383.000	176.9	9.000	1.592.100	15.000	2.653.500	350.000	61.915.000	78.543.600		
					223	109	Phường Lan 6	176.6	176.6	176.6	-	70.000	12.362.000	176.6	9.000	1.589.400	15.000	2.649.000	350.000	61.810.000	78.410.400		1.096.768.800	
					220	94	Phường Lan 6	135.7	99.5	36.2	135.7	-	70.000	9.499.000	135.7	9.000	1.221.300	15.000	2.035.500	350.000	47.495.000	60.250.800		
					220	290	Phường Lan 6	182.8	182.8	182.8	-	70.000	12.796.000	182.8	9.000	1.645.200	15.000	2.742.000	350.000	63.980.000	81.163.200			
					220	591	Phường Lan 6	204.0	204.0	204.0	-	70.000	14.280.000	204.0	9.000	1.836.000	15.000	3.060.000	350.000	71.400.000	90.576.000			
					220	647	Phường Lan 6	144.1	144.1	144.1	-	70.000	10.087.000	144.1	9.000	1.296.900	15.000	2.161.500	350.000	50.435.000	63.980.400			
					223	209	Phường Lan 6	380.0	380.0	380.0	-	70.000	26.600.000	380.0	9.000	3.420.000	15.000	5.700.000	350.000	133.000.000	168.720.000			
					233	245	Phường Lan 6	144.3	144.3	144.3	-	70.000	10.101.000	144.3	9.000	1.298.700	15.000	2.164.500	350.000	50.505.000	64.069.200			
93	Mai Thị Mệ	036171018576	0368582971		219	160	Phường Lan 6	241.0	241.0	241.0	-	70.000	16.870.000	241.0	9.000	2.169.000	15.000	3.615.000	350.000	84.350.000	107.004.000			
					219	337	Phường Lan 6	114.7	114.7	114.7	-	70.000	8.029.000	114.7	9.000	1.032.300	15.000	1.720.500	350.000	40.145.000	50.926.800		233.455.200	
					223	249	Phường Lan 6	228.4	100.3	100.3	128.10	70.000	7.021.000	100.3	9.000	902.700	15.000	1.504.500	350.000	35.105.000	44.533.200			
					220	32	Phường Lan 6	69.8	69.8	69.8	-	70.000	4.886.000	69.8	9.000	628.200	15.000	1.047.000	350.000	24.430.000	30.991.200			
94	(Nguyễn Thị Tinh) Nguyễn Văn Thọ Nguyễn Thị Chức	0866455865			219	204	Phường Lan 6	321.7	321.7	321.7	-	70.000	22.519.000	321.7	9.000	2.895.300	15.000	4.825.500	350.000	112.595.000	142.834.800		439.293.600	
					219	117	Phường Lan 6	347.2	347.2	347.2	-	70.000	24.304.000	347.2	9.000	3.124.800	15.000	5.208.000	350.000	121.520.000	154.156.800			
					219	348	Phường Lan 6	320.5	320.5	320.5	-	70.000	22.435.000	320.5	9.000	2.884.500	15.000	4.807.500	350.000	112.175.000	142.302.000			
95	Nguyễn Thị Thúc	024172007504	0392932196		219	45	Phường Lan 6	240.6	240.6	240.6	-	70.000	16.842.000	240.6	9.000	2.165.400	15.000	3.609.000	350.000	84.210.000	106.826.400		344.277.600	
					223	114	Phường Lan 6	338.7	338.7	338.7	-	70.000	23.709.000	338.7	9.000	3.048.300	15.000	5.080.500	350.000	118.545.000	150.382.800			
					220	637	Phường Lan 6	196.1	196.1	196.1	-	70.000	13.727.000	196.1	9.000	1.764.900	15.000	2.941.500	350.000	68.635.000	87.068.400			
96	Nguyễn Văn Tùng	024071012362	0364329245		219	178	Phường Lan 6	189.4	189.4	189.4	-	70.000	13.258.000	189.4	9.000	1.704.600	15.000	2.841.000	350.000	66.290.000	84.093.600		84.093.600	
97	Nguyễn Văn Đa				219	138	Phường Lan 6	216.3	216.3	216.3	-	70.000	15.141.000	216.3	9.000	1.946.700	15.000	3.244.500	350.000	75.705.000	96.037.200			
					223	143	Phường Lan 6	302.9	302.9	302.9	-	70.000	21.203.000	302.9	9.000	2.726.100	15.000	4.543.500	350.000	106.015.000	134.487.600			
					223	278	Phường Lan 6	244.2	225.5	18.7	244.2	-	70.000	17.094.000	244.2	9.000	2.197.800	15.000	3.663.000	350.000	85.470.000	108.424.800		666.954.800

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số địa thuế	Số tờ đất	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)		Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Bãi thường về đất		Số lượng	Bãi thường, tài sản, cây trồng trên đất			Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng tiền Bãi thường, hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân (đồng)	Ghi chú
								Đơn giá bồi thường (đ/m2)	Thành tiền (đồng)			Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m2)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m2)	Thành tiền (đồng)				
																					Trong chỉ giới (m2)			
					219	307	Phường Lan 6	240.0	240.0	240.0	-	70.000	16.800.000	240.0	9.000	2.160.000	15.000	3.600.000	350.000	84.000.000	106.560.000		chung thửa	
					220	375	Phường Lan 6	129.3	129.3	129.3	-	70.000	9.051.000	129.3	9.000	1.163.700	15.000	1.939.900	350.000	45.255.000	57.409.200			
					258	22	Phường Lan 6	144.0	144.0	144.0	-	70.000	10.080.000	144.0	9.000	1.296.000	15.000	2.160.000	350.000	50.400.000	63.936.000			
98	Nguyễn Thị Thọ	24142003722	0333583308	219	301	Phường Lan 6	261.9	261.9	261.9	-	70.000	18.333.000	261.9	9.000	2.357.100	15.000	3.928.500	350.000	91.665.000	116.283.600	116.283.600			
99	Hoàng Thị Trinh	024157004954		223	157	Phường Lan 6	155.7	155.7	155.7	-	70.000	10.899.000	155.7	9.000	1.401.300	15.000	2.335.500	350.000	54.495.000	69.130.800	220.135.200			
				223	183	Phường Lan 6	340.1	340.1	340.1	-	70.000	23.807.000	340.1	9.000	3.060.900	15.000	5.101.500	350.000	119.035.000	151.004.400				
100	Nguyễn Văn Thanh Tống Thị Dung	024065011089	0269019526	219	80	Phường Lan 6	91.0	91.0	91.0	-	70.000	6.370.000	91.0	9.000	819.000	15.000	1.365.000	350.000	31.850.000	40.404.000	296.148.000			
				219	449	Phường Lan 6	256.9	256.1	256.1	0.80	70.000	17.927.000	256.1	9.000	2.304.900	15.000	3.841.500	350.000	89.635.000	113.708.400				
				223	191	Phường Lan 6	103.5	103.5	103.5	-	70.000	7.245.000	103.5	9.000	931.500	15.000	1.552.500	350.000	36.225.000	45.954.000				
				220	41	Phường Lan 6	216.4	216.4	216.4	-	70.000	15.148.000	216.4	9.000	1.947.600	15.000	3.246.000	350.000	75.740.000	96.081.600				
101	Trương Thị Đào	024171001319	0968616142	220	337	Phường Lan 6	198.0	198.0	198.0	-	70.000	13.860.000	198.0	9.000	1.782.000	15.000	2.970.000	350.000	69.300.000	87.912.000	158.374.800			
				219	218	Phường Lan 6	158.7	158.7	158.7	-	70.000	11.109.000	158.7	9.000	1.428.300	15.000	2.380.500	350.000	55.545.000	70.462.800				
102	Nguyễn Thị Huyệt (Trương Thị Đào)	024147005695	0968616142	223	292	Phường Lan 6	404.8	404.8	404.8	-	70.000	28.336.000	404.8	9.000	3.643.200	15.000	6.072.000	350.000	141.680.000	179.731.200	296.680.800			
				220	664	Phường Lan 6	263.4	263.4	263.4	-	70.000	18.438.000	263.4	9.000	2.370.600	15.000	3.951.000	350.000	92.190.000	116.949.600				
				0978681455	219	65	Phường Lan 6	187.5	187.5	187.5	-	70.000	13.125.000	187.5	9.000	1.687.500	15.000	2.812.500	350.000	65.625.000	83.250.000	384.060.000		
103	Đỗ Văn Tăng Nguyễn Thị Thanh Tâm			219	532	Phường Lan 6	178.6	178.6	178.6	-	70.000	12.502.000	178.6	9.000	1.607.400	15.000	2.679.000	350.000	62.510.000	79.298.400				
				220	389	Phường Lan 6	103.8	103.8	103.8	-	70.000	7.266.000	103.8	9.000	934.200	15.000	1.557.000	350.000	36.330.000	46.087.200				
				220	589	Phường Lan 6	166.8	166.8	166.8	-	70.000	11.676.000	166.8	9.000	1.501.200	15.000	2.502.000	350.000	58.380.000	74.059.200				
				233	242	Phường Lan 6	228.3	228.3	228.3	-	70.000	15.981.000	228.3	9.000	2.054.700	15.000	3.424.500	350.000	79.905.000	101.365.200				
104	Nguyễn Văn Đê	024041003771	0967841170	219	180	Phường Lan 6	221.0	221.0	221.0	-	70.000	15.470.000	221.0	9.000	1.989.000	15.000	3.315.000	350.000	77.350.000	98.124.000	146.209.200			
				220	144	Phường Lan 6	108.3	108.3	108.3	-	70.000	7.581.000	108.3	9.000	974.700	15.000	1.624.500	350.000	37.905.000	48.085.200				
105	Ngô Thị Huyền Trương Văn Phú			223	243	Phường Lan 6	146.1	146.1	146.1	-	70.000	10.227.000	146.1	9.000	1.314.900	15.000	2.191.500	350.000	51.135.000	64.868.400	319.902.000			
				233	268	Phường Lan 6	221.8	221.8	221.8	-	70.000	15.526.000	221.8	9.000	1.996.200	15.000	3.327.000	350.000	77.630.000	98.479.200				
				219	660	Phường Lan 6	173.5	173.5	173.5	-	70.000	12.145.000	173.5	9.000	1.561.500	15.000	2.602.500	350.000	60.725.000	77.034.000				
				214	720	Phường Lan 6	179.1	179.1	179.1	-	70.000	12.537.000	179.1	9.000	1.611.900	15.000	2.686.500	350.000	62.685.000	79.520.400				
106	Đỗ Văn Tuyên Trần Thị Nga	024070012608	0362035895	219	56	Phường Lan 6	123.5	123.5	123.5	-	70.000	8.645.000	123.5	9.000	1.111.500	15.000	1.852.500	350.000	43.225.000	54.834.000	492.928.800			
				219	635	Phường Lan 6	268.5	268.5	268.5	-	70.000	18.795.000	268.5	9.000	2.416.500	15.000	4.027.500	350.000	93.975.000	119.214.000				
				223	87	Phường Lan 6	203.0	203.0	203.0	-	70.000	14.210.000	203.0	9.000	1.827.000	15.000	3.045.000	350.000	71.050.000	90.132.000				
				223	212	Phường Lan 6	223.9	223.9	223.9	-	70.000	15.673.000	223.9	9.000	2.015.100	15.000	3.358.500	350.000	78.365.000	99.411.600				
				233	164	Phường Lan 6	163.7	163.7	163.7	-	70.000	11.459.000	163.7	9.000	1.473.300	15.000	2.455.500	350.000	57.295.000	72.682.800				
				219	145	Phường Lan 6	127.6	127.6	127.6	-	70.000	8.932.000	127.6	9.000	1.148.400	15.000	1.914.000	350.000	44.660.000	56.654.400				
107	Nguyễn Thị Chiến Phạm Xuân Tuấn			219	44	Phường Lan 6	131.3	131.3	131.3	-	70.000	9.191.000	131.3	9.000	1.181.700	15.000	1.969.500	350.000	45.955.000	58.297.200	116.594.400			
				219	114	Phường Lan 6	131.3	131.3	131.3	-	70.000	9.191.000	131.3	9.000	1.181.700	15.000	1.969.500	350.000	45.955.000	58.297.200				
108	Nguyễn Thị Chiến			219	177	Phường Lan 6	124.0	124.0	124.0	-	70.000	8.680.000	124.0	9.000	1.116.000	15.000	1.860.000	350.000	43.400.000	55.056.000	55.056.000			
109	Nguyễn Văn Luân Nguyễn Văn Khương			219	169	Phường Lan 6	102.5	102.5	102.5	-	70.000	7.175.000	102.5	9.000	922.500	15.000	1.537.500	350.000	35.875.000	45.510.000	172.094.400			
				233	294	Phường Lan 6	285.1	285.1	285.1	-	70.000	19.957.000	285.1	9.000	2.565.900	15.000	4.276.500	350.000	99.785.000	126.584.400				

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số điện thoại	Số tờ bản đồ	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)		Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Bồi thường về đất		Số lượng	Bồi thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ của hệ gia đình, cá nhân (đồng)	Ghi chú		
								Trong chỉ giới (m2)	Ngoài chỉ giới (m2)			Đơn giá bồi thường (đ/m2)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m2)	Thành tiền (đồng)				Đơn giá hỗ trợ (đ/m2)	Thành tiền (đồng)
110	Đỗ Văn Hùng (Đỗ Thị Thu)				219	575	Phường Lan 6	295.4	295.4	295.4	-	70.000	20.678.000	295.4	9.000	2.658.600	15.000	4.431.000	350.000	103.390.000	131.157.600	1.130.823.600			
					219	662	Phường Lan 6	66.6	66.6	66.6	-	70.000	4.662.000	66.6	9.000	599.400	15.000	999.000	350.000	23.310.000	29.570.400				
					223	83	Phường Lan 6	240.8	240.8	240.8	-	70.000	16.856.000	240.8	9.000	2.167.200	15.000	3.612.000	350.000	84.280.000	106.915.200				
					223	138	Phường Lan 6	537.4	537.4	537.4	-	70.000	37.618.000	537.4	9.000	4.836.600	15.000	8.061.000	350.000	188.090.000	238.605.600				
					220	684	Phường Lan 6	307.3	307.3	307.3	-	70.000	21.511.000	307.3	9.000	2.765.700	15.000	4.609.500	350.000	107.555.000	136.441.200				
					233	162	Phường Lan 6	78.7	78.7	78.7	-	70.000	5.509.000	78.7	9.000	708.300	15.000	1.180.500	350.000	27.545.000	34.942.800				
					233	205	Phường Lan 6	73.7	73.7	73.7	-	70.000	5.159.000	73.7	9.000	663.300	15.000	1.105.500	350.000	25.795.000	32.722.800				
					219	732	Phường Lan 6	192.6	192.6	192.6	-	70.000	13.482.000	192.6	9.000	1.733.400	15.000	2.889.000	350.000	67.410.000	85.514.400				
					219	251	Phường Lan 6	414.5	414.5	414.5	-	70.000	29.015.000	414.5	9.000	3.730.500	15.000	6.217.500	350.000	145.075.000	184.038.000				
					219	203	Phường Lan 6	102.3	102.3	102.3	-	70.000	7.161.000	102.3	9.000	920.700	15.000	1.534.500	350.000	35.805.000	45.421.200				
			219	72	Phường Lan 6	237.6	237.6	237.6	-	70.000	16.632.000	237.6	9.000	2.138.400	15.000	3.564.000	350.000	83.160.000	105.494.400						
111	Trần Văn Hiến				220	659	Phường Lan 6	170.3	170.3	170.3	-	70.000	11.921.000	170.3	9.000	1.532.700	15.000	2.554.500	350.000	59.605.000	75.613.200	75.613.200			
112	(Phạm Quang Lâm) Phạm Quang Trung Nguyễn Thị Thu Thủy				233	302	Phường Lan 6	371.5	371.5	371.5	-	70.000	26.005.000	371.5	9.000	3.343.500	15.000	5.572.500	350.000	130.025.000	164.946.000	253.287.600			
					220	96	Phường Lan 6	198.9	198.9	198.9	-	70.000	13.923.000	198.9	9.000	1.790.100	15.000	2.983.500	350.000	69.615.000	88.311.600				
113	Phạm Quang Lâm Trịnh Thị Lệ				219	93	Phường Lan 6	561.1	561.1	561.1	-	70.000	39.277.000	561.1	9.000	5.049.900	15.000	8.416.500	350.000	196.385.000	249.128.400	377.785.200			
					219	601	Phường Lan 6	289.7	289.7	289.7	-	70.000	20.279.000	289.7	9.000	2.607.300	15.000	4.345.500	350.000	101.395.000	128.626.800				
114	(Phạm Quang Lâm) Phạm Quang Bách Nguyễn Thị Mai				223	104	Phường Lan 6	531.5	531.5	531.5	-	70.000	37.205.000	531.5	9.000	4.783.500	15.000	7.972.500	350.000	186.025.000	235.986.000	321.411.600			
					219	41	Phường Lan 6	192.4	192.4	192.4	-	70.000	13.468.000	192.4	9.000	1.731.600	15.000	2.886.000	350.000	67.340.000	85.425.600				
115	Ngô Văn Côn Đặng Thị Loan				219	388	Phường Lan 6	150.7	150.7	150.7	-	70.000	10.549.000	150.7	9.000	1.356.300	15.000	2.260.500	350.000	52.745.000	66.910.800	453.546.000			
					220	13	Phường Lan 6	168.8	168.8	168.8	-	70.000	11.816.000	168.8	9.000	1.519.200	15.000	2.532.000	350.000	59.080.000	74.947.200				
					220	284	Phường Lan 6	388.9	388.9	388.9	-	70.000	27.223.000	388.9	9.000	3.500.100	15.000	5.833.500	350.000	136.115.000	172.671.600				
					220	656	Phường Lan 6	120.5	120.5	120.5	-	70.000	8.435.000	120.5	9.000	1.084.500	15.000	1.807.500	350.000	42.175.000	53.502.000				
					219	732	Phường Lan 6	192.6	192.6	192.6	-	70.000	13.482.000	192.6	9.000	1.733.400	15.000	2.889.000	350.000	67.410.000	85.514.400				
116	Nguyễn Thị Mến (Nguyễn Văn Thuýt)	024064008599	0369673268		223	222	Phường Lan 6	202.7	202.7	202.7	-	70.000	14.189.000	202.7	9.000	1.824.300	15.000	3.040.500	350.000	70.945.000	89.998.800	89.998.800			
117	Nguyễn Văn Thiện	024070012134	0384950766		219	316	Phường Lan 6	320.9	320.9	320.9	-	70.000	22.463.000	320.9	9.000	2.888.100	15.000	4.813.500	350.000	112.315.000	142.479.600	534.753.600			
					220	131	Phường Lan 6	215.1	215.1	215.1	-	70.000	15.057.000	215.1	9.000	1.935.900	15.000	3.226.500	350.000	75.285.000	95.504.400				
					219	132	Phường Lan 6	84.5	84.5	84.5	-	70.000	5.915.000	84.5	9.000	760.500	15.000	1.267.500	350.000	29.575.000	37.518.000				
					219	60	Phường Lan 6	143.3	143.3	143.3	-	70.000	10.031.000	143.3	9.000	1.289.700	15.000	2.149.500	350.000	50.155.000	63.625.200				
					223	394	Phường Lan 6	124.7	124.7	124.7	-	70.000	8.729.000	124.7	9.000	1.122.300	15.000	1.870.500	350.000	43.645.000	55.366.800				
					219	292	Phường Lan 6	99.7	99.7	99.7	-	70.000	6.979.000	99.7	9.000	897.300	15.000	1.495.500	350.000	34.895.000	44.266.800				
					219	266	Phường Lan 6	216.2	216.2	216.2	-	70.000	15.134.000	216.2	9.000	1.945.800	15.000	3.243.000	350.000	75.670.000	95.992.800				
118	Nguyễn Văn Thuýt	024064008599	0975589252		220	640	Phường Lan 6	75.6	75.6	75.6	-	70.000	5.292.000	75.6	9.000	680.400	15.000	1.134.000	350.000	26.460.000	33.566.400	115.306.800			
					223	146	Phường Lan 6	184.1	184.1	184.1	-	70.000	12.887.000	184.1	9.000	1.656.900	15.000	2.761.500	350.000	64.435.000	81.740.400				
119	Nguyễn Văn Nam (Nguyễn Văn Thuýt)		0987842178		220	87	Phường Lan 6	320.3	320.3	320.3	-	70.000	22.421.000	320.3	9.000	2.882.700	15.000	4.804.500	350.000	112.105.000	142.213.200	142.213.200			
					219	343	Phường Lan 6	148.6	148.6	148.6	-	70.000	10.402.000	148.6	9.000	1.337.400	15.000	2.229.000	350.000	52.010.000	65.978.400				
					220	143	Phường Lan 6	35.9	35.9	35.9	-	70.000	2.513.000	35.9	9.000	323.100	15.000	538.500	350.000	12.565.000	15.939.600				

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số điện thoại	Số tờ bản đồ	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích ca thửa (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)			Diện tích còn lại (m ²)	Bồi thường về đất		Bồi thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng tiền Bồi thường, hỗ trợ của hệ gia đình, ca nhân (đồng)	Ghi chú		
								Trong chỉ giới (m ²)	Ngoài chỉ giới (m ²)	Tổng diện tích thu hồi (m ²)		Đơn giá bồi thường (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)					
																							Số lượng	Đơn giá bồi thường (đồng)
120	Đỗ Thị Nam Nguyễn Văn Hải				224	146	Phường Lan 6	164.1	93.0	71.1	164.1	-	70.000	11.487.000	164.1	9.000	1.476.900	15.000	2.461.500	350.000	57.435.000	72.860.400	392.940.000	
					220	242	Phường Lan 6	316.4	316.4		316.4	-	70.000	22.148.000	316.4	9.000	2.847.600	15.000	4.746.000	350.000	110.740.000	140.481.600		
					223	219	Phường Lan 6	220.0	220.0		220.0	-	70.000	15.400.000	220.0	9.000	1.980.000	15.000	3.300.000	350.000	77.000.000	97.680.000		
121	Nguyễn Thị Truyền Nguyễn Văn Sớm				219	444	Phường Lan 6	143.7	143.7		143.7	-	70.000	10.059.000	143.7	9.000	1.293.300	15.000	2.155.500	350.000	50.295.000	63.802.800	231.546.000	
					220	193	Phường Lan 6	209.8	209.8		209.8	-	70.000	14.686.000	209.8	9.000	1.888.200	15.000	3.147.000	350.000	73.430.000	93.151.200		
					219	60	Phường Lan 6	168.0	168.0		168.0	-	70.000	11.760.000	168.0	9.000	1.512.000	15.000	2.520.000	350.000	58.800.000	74.592.000		
122	Đỗ Thị Thu (Phạm Khương Duy)		0966553194		214	794	Phường Lan 6	144.1	15.0	129.1	144.1	-	70.000	10.087.000	144.1	9.000	1.296.900	15.000	2.161.500	350.000	50.435.000	63.980.400	63.980.400	
123	Trịnh Văn Thập Hoàng Văn Lập	024056004686			219	313	Phường Lan 6	98.0	98.0		98.0	-	70.000	6.860.000	98.0	9.000	882.000	15.000	1.470.000	350.000	34.300.000	43.512.000	314.929.200	
					219	479	Phường Lan 6	138.3	138.3		138.3	-	70.000	9.681.000	138.3	9.000	1.244.700	15.000	2.074.500	350.000	48.405.000	61.405.200		
					219	775	Phường Lan 6	207.6	207.6		207.6	-	70.000	14.532.000	207.6	9.000	1.868.400	15.000	3.114.000	350.000	72.660.000	92.174.400		
					220	133	Phường Lan 6	265.4	265.4		265.4	-	70.000	18.578.000	265.4	9.000	2.388.600	15.000	3.981.000	350.000	92.890.000	117.837.600		
124	Nguyễn Thị Đức				219	88	Phường Lan 6	221.6	221.6		221.6	-	70.000	15.512.000	221.6	9.000	1.994.400	15.000	3.324.000	350.000	77.560.000	98.390.400	164.635.200	
					220	390	Phường Lan 6	76.6	71.4	5.2	76.6	-	70.000	5.362.000	76.6	9.000	689.400	15.000	1.149.000	350.000	26.810.000	34.010.400		
					220	615	Phường Lan 6	72.6	72.6		72.6	-	70.000	5.082.000	72.6	9.000	653.400	15.000	1.089.000	350.000	25.410.000	32.234.400		
125	Hoàng Văn Tài	024054000746	0987924441		219	689	Phường Lan 6	139.1	139.1		139.1	-	70.000	9.737.000	139.1	9.000	1.251.900	15.000	2.086.500	350.000	48.685.000	61.760.400	270.307.200	
					223	11	Phường Lan 6	291.2	291.2		291.2	-	70.000	20.384.000	291.2	9.000	2.620.800	15.000	4.368.000	350.000	101.920.000	129.292.800		
					223	238	Phường Lan 6	154.3	154.3		154.3	-	70.000	10.801.000	154.3	9.000	1.388.700	15.000	2.314.500	350.000	54.005.000	68.509.200		
					214	754	Phường Lan 6	149.0	24.2	124.80	149.0	-	70.000	1.694.000	24.2	9.000	217.800	15.000	363.000	350.000	8.470.000	10.744.800		
126	Phạm Quang Hải	024057010354	0986710422		219	574	Phường Lan 6	159.0	159.0		159.0	-	70.000	11.130.000	159.0	9.000	1.431.000	15.000	2.385.000	350.000	55.650.000	70.596.000	1.120.522.800	
					220	201	Phường Lan 6	234.4	234.4		234.4	-	70.000	16.408.000	234.4	9.000	2.109.600	15.000	3.516.000	350.000	82.040.000	104.073.600		
					220	383	Phường Lan 6	109.5	109.5		109.5	-	70.000	7.665.000	109.5	9.000	985.500	15.000	1.642.500	350.000	38.325.000	48.618.000		
					220	384	Phường Lan 6	169.2	169.2		169.2	-	70.000	11.844.000	169.2	9.000	1.522.800	15.000	2.538.000	350.000	59.220.000	75.124.800		
					223	36	Phường Lan 6	126.1	126.1		126.1	-	70.000	8.827.000	126.1	9.000	1.134.900	15.000	1.891.500	350.000	44.135.000	55.988.400		
					223	155	Phường Lan 6	216.8	216.8		216.8	-	70.000	15.176.000	216.8	9.000	1.951.200	15.000	3.252.000	350.000	75.880.000	96.259.200		
					223	159	Phường Lan 6	96.6	96.6		96.6	-	70.000	6.762.000	96.6	9.000	869.400	15.000	1.449.000	350.000	33.810.000	42.890.400		
					219	66	Phường Lan 6	128.1	128.1		128.1	-	70.000	8.967.000	128.1	9.000	1.152.900	15.000	1.921.500	350.000	44.835.000	56.876.400		
					219	96	Phường Lan 6	125.1	125.1		125.1	-	70.000	8.757.000	125.1	9.000	1.125.900	15.000	1.876.500	350.000	43.785.000	55.544.400		
					219	112	Phường Lan 6	71.6	71.6		71.6	-	70.000	5.012.000	71.6	9.000	644.400	15.000	1.074.000	350.000	25.060.000	31.790.400		
					219	113	Phường Lan 6	117.4	117.4		117.4	-	70.000	8.218.000	117.4	9.000	1.056.600	15.000	1.761.000	350.000	41.090.000	52.125.600		
					219	128	Phường Lan 6	478.4	478.4		478.4	-	70.000	33.488.000	478.4	9.000	4.305.600	15.000	7.176.000	350.000	167.440.000	212.409.600		
					220	636	Phường Lan 6	272.1	272.1		272.1	-	70.000	19.047.000	272.1	9.000	2.448.900	15.000	4.081.500	350.000	95.235.000	120.812.400		
					223	22	Phường Lan 6	219.4	130.3	89.1	219.4	-	70.000	15.358.000	219.4	9.000	1.974.600	15.000	3.291.000	350.000	76.790.000	97.413.600		
127	Ngô Văn Chính	024071010492	09669076182		219	831	Phường Lan 6	101.2	101.2		101.2	-	70.000	7.084.000	101.2	9.000	910.800	15.000	1.518.000	350.000	35.420.000	44.932.800	150.072.000	
					223	200	Phường Lan 6	121.1	121.1		121.1	-	70.000	8.477.000	121.1	9.000	1.089.900	15.000	1.816.500	350.000	42.385.000	53.768.400		
					219	312	Phường Lan 6	115.7	115.7		115.7	-	70.000	8.099.000	115.7	9.000	1.041.300	15.000	1.735.500	350.000	40.495.000	51.370.800		
		024064016226	0387497420		219	183	Phường Lan 6	183.0	183.0		183.0	-	70.000	12.810.000	183.0	9.000	1.647.000	15.000	2.745.000	350.000	64.050.000	81.252.000		

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số điện thoại	Số tờ bản đồ	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)		Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Bãi thường về đất		Số lượng	Bãi thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng tiền Bãi thường, hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân (đồng)	Ghi chú		
								Trong chỉ giới (m ²)	Ngoài chỉ giới (m ²)			Đơn giá bồi thường (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)		Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)				Đơn giá hỗ trợ (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)
128	Nguyễn Văn Thư				219	83	Phường Lan 6	64.0	64.0	64.0	-	70,000	4,480,000	64.0	9,000	576,000	15,000	960,000	350,000	22,400,000	28,416,000				
					223	179	Phường Lan 6	59.0	19.1	39.9	59.0	-	70,000	4,130,000	59.0	9,000	531,000	15,000	885,000	350,000	20,650,000	26,196,000			
					219	181	Phường Lan 6	496.2	496.2	496.2	-	70,000	34,734,000	496.2	9,000	4,465,800	15,000	7,443,000	350,000	173,670,000	220,312,800	557,220,000			
					219	265	Phường Lan 6	88.6	49.9	38.7	88.6	-	70,000	6,202,000	88.6	9,000	797,400	15,000	1,329,000	350,000	31,010,000	39,338,400			
					219	266	Phường Lan 6	197.4	166.1	31.3	197.4	-	70,000	13,818,000	197.4	9,000	1,776,600	15,000	2,961,000	350,000	69,090,000	87,645,600			
					220	378	Phường Lan 6	142.2	142.2	142.2	-	70,000	9,954,000	142.2	9,000	1,279,800	15,000	2,133,000	350,000	49,770,000	63,136,800				
					223	277	Phường Lan 6	168.5	24.6	24.6	143.90	70,000	1,722,000	24.6	9,000	221,400	15,000	369,000	350,000	8,610,000	10,922,400				
129	Vũ Thị Bội (Đặng Văn Tháo)	024155008848	0986198523	219	82	Phường Lan 6	147.0	147.0	147.0	-	70,000	10,290,000	147.0	9,000	1,323,000	15,000	2,205,000	350,000	51,450,000	65,268,000					
				219	500	Phường Lan 6	124.3	124.3	124.3	-	70,000	8,701,000	124.3	9,000	1,118,700	15,000	1,864,500	350,000	43,505,000	55,189,200					
				220	48	Phường Lan 6	396.3	242.6	242.6	153.70	70,000	16,982,000	242.6	9,000	2,183,400	15,000	3,639,000	350,000	84,910,000	107,714,400					
				220	139	Phường Lan 6	223.2	223.2	223.2	-	70,000	15,624,000	223.2	9,000	2,008,800	15,000	3,348,000	350,000	78,120,000	99,100,800	671,727,600				
				219	383	Phường Lan 6	289.1	289.1	289.1	-	70,000	20,237,000	289.1	9,000	2,601,900	15,000	4,336,500	350,000	101,185,000	128,360,400					
				223	190	Phường Lan 6	154.5	154.5	154.5	-	70,000	10,815,000	154.5	9,000	1,390,500	15,000	2,317,500	350,000	54,075,000	68,598,000					
				223	215	Phường Lan 6	192.4	192.4	192.4	-	70,000	13,468,000	192.4	9,000	1,731,600	15,000	2,886,000	350,000	67,340,000	85,425,600					
130	Đỗ Thị Nụ Phạm Quang Sơn	024158009156	0398003303	219	42	Phường Lan 6	138.2	138.2	138.2	-	70,000	9,674,000	138.2	9,000	1,243,800	15,000	2,073,000	350,000	48,370,000	61,360,800					
				219	143	Phường Lan 6	315.3	315.3	315.3	-	70,000	22,071,000	315.3	9,000	2,837,700	15,000	4,729,500	350,000	110,355,000	139,993,200	543,944,400				
				220	614	Phường Lan 6	288.8	288.8	288.8	-	70,000	20,216,000	288.8	9,000	2,599,200	15,000	4,332,000	350,000	101,080,000	128,227,200					
				223	102	Phường Lan 6	316.8	316.8	316.8	-	70,000	22,176,000	316.8	9,000	2,851,200	15,000	4,752,000	350,000	110,880,000	140,659,200					
				223	310	Phường Lan 6	100.5	100.5	100.5	-	70,000	7,035,000	100.5	9,000	904,500	15,000	1,507,500	350,000	35,175,000	44,622,000					
				223	312	Phường Lan 6	65.5	65.5	65.5	-	70,000	4,585,000	65.5	9,000	589,500	15,000	982,500	350,000	22,925,000	29,082,000					
131	Nguyễn Văn Trường Đỗ Thị Thanh		0373578615	219	349	Phường Lan 6	174.8	174.8	174.8	-	70,000	12,236,000	174.8	9,000	1,573,200	15,000	2,622,000	350,000	61,180,000	77,611,200	291,308,400				
				220	93	Phường Lan 6	175.8	175.8	175.8	-	70,000	12,306,000	175.8	9,000	1,582,200	15,000	2,637,000	350,000	61,530,000	78,055,200					
				214	850	Phường Lan 6	95.5	27.6	67.9	95.5	-	70,000	6,685,000	95.5	9,000	859,500	15,000	1,432,500	350,000	33,425,000	42,402,000				
132	Đỗ Quang Vinh Nguyễn Thị Hoa			220	335	Phường Lan 6	210.0	210.0	210.0	-	70,000	14,700,000	210.0	9,000	1,890,000	15,000	3,150,000	350,000	73,500,000	93,240,000	409,190,400				
				219	477	Phường Lan 6	224.1	224.1	224.1	-	70,000	15,687,000	224.1	9,000	2,016,900	15,000	3,361,500	350,000	78,435,000	99,500,400					
				223	241	Phường Lan 6	191.1	191.1	191.1	-	70,000	13,377,000	191.1	9,000	1,719,900	15,000	2,866,500	350,000	66,885,000	84,848,400					
133	Nguyễn Văn Lịch Đỗ Thị Chục (Nguyễn Thị Lanh)		024171015856	219	182	Phường Lan 6	199.2	199.2	199.2	-	70,000	13,944,000	199.2	9,000	1,792,800	15,000	2,988,000	350,000	69,720,000	88,444,800	226,306,800				
				223	248	Phường Lan 6	267.3	119.6	119.6	147.70	70,000	8,372,000	119.6	9,000	1,076,400	15,000	1,794,000	350,000	41,860,000	53,102,400					
				220	329	Phường Lan 6	190.9	190.9	190.9	-	70,000	13,363,000	190.9	9,000	1,718,100	15,000	2,863,500	350,000	66,815,000	84,759,600					
134	Nguyễn Thị Cẩm	024150003324	0335154012	219	135	Phường Lan 6	202.2	202.2	202.2	-	70,000	14,154,000	202.2	9,000	1,819,800	15,000	3,033,000	350,000	70,770,000	89,776,800	492,840,000				
				219	424	Phường Lan 6	217.1	217.1	217.1	-	70,000	15,197,000	217.1	9,000	1,953,900	15,000	3,256,500	350,000	75,985,000	96,392,400					
				223	181	Phường Lan 6	64.7	64.7	64.7	-	70,000	4,529,000	64.7	9,000	582,300	15,000	970,500	350,000	22,645,000	28,726,800					
		223	192	Phường Lan 6	244.1	244.1	244.1	-	70,000	17,087,000	244.1	9,000	2,196,900	15,000	3,661,500	350,000	85,435,000	108,380,400							

Số TT	Họ và tên	Số căn cước công dân	Số điện thoại	Số tờ bản đồ	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích cả thửa (m2)	Diện tích thu hồi (m2)		Tổng diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Bù thường về đất		Số lượng	Bù thường, tài sản, cây trồng trên đất		Hỗ trợ ổn định đời sống		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm đối với đất nông nghiệp (5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng)		Cộng thành tiền (đồng)	Tổng tiền Bù thường, hỗ trợ của hệ gia đình, cá nhân (đồng)	Ghi chú
								Đơn giá				Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)		Thành tiền (đồng)	Đơn giá hỗ trợ (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)						
								Trong chỉ giới (m2)	Ngoài chỉ giới (m2)									Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền (đồng)				
					220	197	Phường Lan 6	118.5	118.5	118.5	-	70,000	8,295,000	118.5	9,000	1,066,500	15,000	1,777,500	350,000	41,475,000	52,614,000		
					220	247	Phường Lan 6	167.6	167.6	167.6	-	70,000	11,732,000	167.6	9,000	1,508,400	15,000	2,514,000	350,000	58,660,000	74,414,400		
					220	254	Phường Lan 6	95.8	76.1	19.7	95.8	-	70,000	6,706,000	95.8	9,000	862,700	15,000	1,437,000	350,000	33,530,000	42,535,200	
135	Ngô Thị Bé Hoàng Văn Thúc				219	49	Phường Lan 6	293.0	293.0	293.0	-	70,000	20,510,000	293.0	9,000	2,637,000	15,000	4,395,000	350,000	102,550,000	130,092,000		
					219	144	Phường Lan 6	375.6	375.6	375.6	-	70,000	26,292,000	375.6	9,000	3,380,400	15,000	5,634,000	350,000	131,460,000	166,766,400		
					219	712	Phường Lan 6	270.7	270.7	270.7	-	70,000	18,949,000	270.7	9,000	2,436,300	15,000	4,060,500	350,000	94,745,000	120,190,800		
					223	6	Phường Lan 6	233.6	233.6	233.6	-	70,000	16,352,000	233.6	9,000	2,102,400	15,000	3,504,000	350,000	81,760,000	103,718,400		
					223	43	Phường Lan 6	471.0	471.0	471.0	-	70,000	32,970,000	471.0	9,000	4,239,000	15,000	7,065,000	350,000	164,850,000	209,124,000		
					223	58	Phường Lan 6	398.4	398.4	398.4	-	70,000	27,888,000	398.4	9,000	3,585,600	15,000	5,976,000	350,000	139,440,000	176,889,600		
					223	137	Phường Lan 6	357.8	357.8	357.8	-	70,000	25,046,000	357.8	9,000	3,220,200	15,000	5,367,000	350,000	125,230,000	158,863,200		
					223	235	Phường Lan 6	223.9	223.9	223.9	-	70,000	15,673,000	223.9	9,000	2,015,100	15,000	3,158,500	350,000	78,365,000	99,411,600		
					233	198	Phường Lan 6	290.5	199.5	199.5	91.00	70,000	13,965,000	199.5	9,000	1,795,500	15,000	2,992,500	350,000	69,825,000	88,578,000		
					233	212	Phường Lan 6	57.3	27.9	27.9	29.40	70,000	1,953,000	27.9	9,000	251,100	15,000	418,500	350,000	9,765,000	12,387,600		
					233	246	Phường Lan 6	260.1	260.1	260.1	-	70,000	18,207,000	260.1	9,000	2,340,900	15,000	3,901,500	350,000	91,035,000	115,484,400		
136	Trương Thị Dung Nguyễn Văn Cận				219	140	Phường Lan 6	234.5	119.7	119.7	114.80	70,000	8,379,000	119.7	9,000	1,077,300	15,000	1,795,500	350,000	41,895,000	53,146,800	195,892,800	
					219	382	Phường Lan 6	321.5	321.5	321.5	-	70,000	22,505,000	321.5	9,000	2,893,500	15,000	4,822,500	350,000	112,525,000	142,746,000		
137	Nguyễn Văn Hương Nguyễn Thị Thi				219	146	Phường Lan 6	151.3	151.3	151.3	-	70,000	10,591,000	151.3	9,000	1,361,700	15,000	2,269,500	350,000	52,955,000	67,177,200	228,082,800	
					219	552	Phường Lan 6	215.7	215.7	215.7	-	70,000	15,099,000	215.7	9,000	1,941,300	15,000	3,235,500	350,000	75,495,000	95,770,800		
					219	631	Phường Lan 6	146.7	146.7	146.7	-	70,000	10,269,000	146.7	9,000	1,320,300	15,000	2,200,500	350,000	51,345,000	65,134,800		
138	Nguyễn Văn Quang	024069012449	0358368356		219	311	Phường Lan 6	211.3	211.3	211.3	-	70,000	14,791,000	211.3	9,000	1,901,700	15,000	3,169,500	350,000	73,955,000	93,817,200	99,100,800	
					223	227	Phường Lan 6	152.2	11.9	11.9	140.30	70,000	833,000	11.9	9,000	107,100	15,000	178,500	350,000	4,165,000	5,283,600		
139	Nguyễn Thị Luyện Đỗ Văn Ngọc	024171007808	0358368436		219	90	Phường Lan 6	316.1	316.1	316.1	-	70,000	22,127,000	316.1	9,000	2,844,900	15,000	4,741,500	350,000	110,635,000	140,348,400	286,069,200	
					220	668	Phường Lan 6	272.0	272.0	272.0	-	70,000	19,040,000	272.0	9,000	2,448,000	15,000	4,080,000	350,000	95,200,000	120,768,000		
					233	232	Phường Lan 6	56.2	56.2	56.2	-	70,000	3,934,000	56.2	9,000	505,800	15,000	843,000	350,000	19,670,000	24,952,800		
140	Nguyễn Thị Huyền Vũ Văn Tuấn		0385744389		219	290	Phường Lan 6	226.1	226.1	226.1	-	70,000	15,827,000	226.1	9,000	2,034,900	15,000	3,391,500	350,000	79,135,000	100,383,400	272,793,600	
					220	125	Phường Lan 6	388.3	388.3	388.3	-	70,000	27,181,000	388.3	9,000	3,494,700	15,000	5,824,500	350,000	135,905,000	172,405,200		
141	Nguyễn Văn Huệ				223	140	Phường Lan 6	279.2	279.2	279.2	-	70,000	19,544,000	279.2	9,000	2,512,800	15,000	4,188,000	350,000	97,720,000	123,964,800	123,964,800	
TỔNG								117,282.0	112,901.0	1,534.4	114,435.4	2,846.6		8,010,478,000		1,029,918,600		1,716,531,000		40,052,390,000	50,809,317,600	50,623,770,000	